

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH – NGUYỄN HẠNH DUNG
NGUYỄN KHÁNH HÀ – DƯ NGỌC NGÂN

Tiếng Việt Vui

SÁCH BÀI TẬP
QUYỂN

3

(SÁCH THỬ NGHIỆM)

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI – 2009

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách bài tập *Tiếng Việt Vui* là tài liệu kèm theo sách học sinh nhằm giúp người học có thêm cơ hội củng cố hiểu biết và rèn luyện kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Bộ sách gồm 6 cuốn, mỗi cuốn ứng với một cuốn sách học sinh.

Cuốn sách này gồm 12 bài, mỗi bài ứng với một bài học trong sách *Tiếng Việt Vui, quyển 3*, không kể các bài ôn tập. Bài tập trong sách gồm các loại như sau :

- Bài tập hệ thống hoá vốn từ.
- Bài tập hội thoại.
- Bài tập ngữ pháp.
- Bài tập chính tả.
- Bài tập làm văn.

Giáo viên và người học có thể lựa chọn những bài tập thích hợp để thực hiện ngay trên lớp, cùng với bài tập trong sách học sinh. Các bài tập còn lại, người học tự làm ở nhà.

Để thích hợp với hoạt động tự học, các bài tập trong sách đều là bài tập viết. Nhưng nếu có thời gian và có người cùng học, bạn nên dựa vào những bài tập viết đó để rèn luyện thêm kĩ năng hội thoại.

Kinh nghiệm cho thấy, để nắm vững một ngôn ngữ, người học càng có cơ hội rèn luyện nhiều càng tốt. Cuốn sách bài tập này là cơ hội rèn luyện của bạn.

Chúc bạn thành công !

Thay mặt các tác giả

Chủ biên

NGUYỄN MINH THUYẾT

Giáo sư Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyên giáo sư thỉnh giảng

Đại học Laval (Canada),

Đại học Paris 7 (Pháp)

BÀI 1



Gia đình



1. Viết thêm các từ ngữ cho dưới đây vào đúng nhóm :

tổ tiên, ông, bà, lễ hội, bát, thìa, diễn viên, cha, giáo viên, ba, đồng hồ, má, y tá, giường, hội hè, nhà văn, nhà thơ, con rể, nhà khoa học, nhà chính trị, họ hàng, chú, bác, nhạc sĩ, sinh nhật, đĩa, anh, chẵn, giấy, chị, nghệ sĩ, giày, em, cậu, cô, dì, mợ, thím, giây, gương

a) gia đình, dòng họ,

b) bố, mẹ,

c) kế toán, bác sĩ,

d) giỗ, tết,

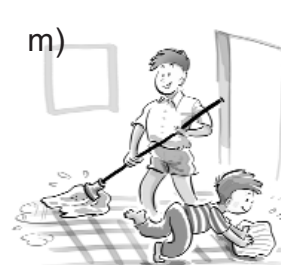
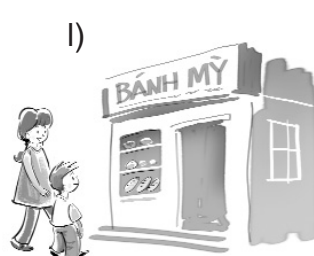
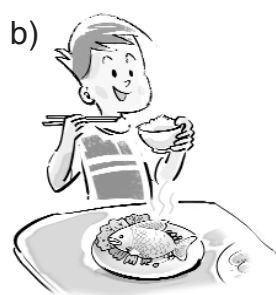
e) dưa, gỏi,

2. Viết đầy đủ họ và tên 5 người thân trong gia đình em (theo thứ tự abc của tên) vào bảng dưới đây :

HỌ VÀ TÊN	HỌ	TÊN ĐỆM	TÊN
1)			
2)			
3)			
4)			
5)			



M : gọi điện



4. Dựa vào tranh minh hoạ ở bài 3 và những từ ngữ đã biết, hãy viết khoảng 10 đến 12 từ ngữ chỉ công việc trong nhà. Sau đó so sánh với bạn để bổ sung những từ em chưa biết.

M : rửa bát đĩa, nấu cơm,...

—
—
—
—
—
—

—
—
—
—
—
—

5. Điền từ trong ngoặc đơn vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh câu.

(người, đứa, bác, ông, bà, anh, dì, cậu)

- a) Chú Cường muốn hai (1) con của mình khoẻ mạnh. Buổi sáng, chú cùng (2) con trai nhỏ đá bóng. Buổi chiều, chú cùng (3) con trai lớn đi bơi. Còn (4) Mơ (mẹ chú) rất chiều cháu. (5) chỉ muốn hai (6) cháu ăn thật nhiều.
- b) (1) Huệ (em gái mẹ em) có hai (2) con gái 2 tuổi và 3 tuổi. Hai (3) rất thích đi học, thường đòi theo em tới trường. Còn (4) Ninh (anh trai bố em) lại có hai (5) con trai rất tài giỏi. (6) thứ nhất là kĩ sư. (7) thứ hai là nghệ sĩ chơi đàn pi-a-nô.
- c) Trong nhà, có ba (1) đàn ông đang chơi cờ. (2) thứ nhất là (3) Hoà đã 70. (4) thứ hai là ông Bằng đã 75. Còn (5) thứ ba là (6) Thành (em trai mẹ em). (7) mới 30 tuổi nhưng lại thắng cờ hai (8) già.

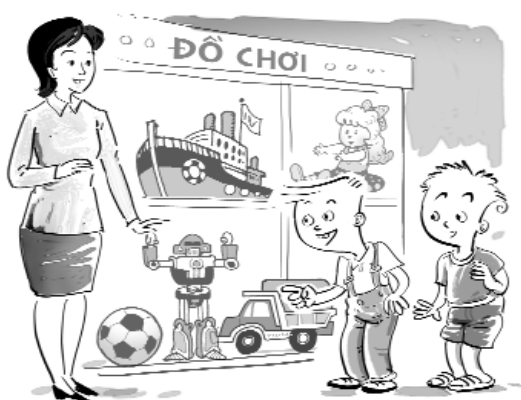
6. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :



- a) Hai (1) bé Bi và Tôm rủ nhau đi chơi. Thấy quán kem, Bi bảo (2) bán kem :
“(3) ơi, cho cháu mua hai cái kem”.



- b) Hai (1) đến siêu thị, chào (2) bảo vệ và nói :
“(3) cho chúng cháu vào nhé”.
(4) bảo vệ cười, bảo : “Hai (5) vào đi”.



c) (1) bán hàng hỏi Bi và Tôm : Hai (2) muốn mua gì ?”. Tôm trả lời : “Chúng (3) chỉ muốn xem đồ chơi thôi ạ”.

d) Hai (1) không nhớ đường về nhà. Bi hỏi một (2) : “ (3) ơi, phố Hàng Đào đi thế nào ạ ?”. (4) bảo : “Các (5) rẽ trái là đến phố Hàng Đào”.

7. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Hà nhận con búp bê Hoa tặng, nói : “Cảm ơn bạn”.

→ Nhận con búp bê Hoa tặng, Hà nói : “Cảm ơn bạn”.

a) Bông thấy mèo con xinh quá, nín khóc ngay.

.....

b) Tôm thấy chiếc bánh mì thơm quá, ăn ngay, quên cả mời mẹ.

.....

c) Sơn chỉ cho Bi truyện tranh Doremon (Đô-rê-mon), hỏi : “Em có thích không ?”

.....

d) Cha Mozart (Mô-da) đọc bản nhạc cậu con trai 6 tuổi sáng tác, vui mừng nói : “Con sẽ trở thành một nhạc sĩ tài năng”.

.....

8. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Nhìn thấy bà em ngày càng gầy yếu, bố mẹ rất lo.

→ Bố mẹ nhìn thấy bà em ngày càng gầy yếu, rất lo.

a) Nghe Bi hát, cả nhà rất thích thú.

.....

b) Bước ra giữa nhà, Bông bắt đầu hát múa rất tự nhiên.

.....

.....

c) Ngắm chú voi trong công viên, Sơn rất ngạc nhiên vì nó to lớn quá.

.....

.....

d) Cho là “Sống gửi thác về”, người Việt Nam rất quan tâm đến ngày giỗ.

.....

.....

9. Đọc và viết lại các từ sau :

- | | |
|----------------------|---------------------|
| – đoàn kết : | – kỉ niệm : |
| – chia ra : | – tưởng nhớ : |
| – hợp lại : | – quan tâm : |
| – sức mạnh : | – địa vị : |
| – thương yêu : | – công lao : |
| – thứ bậc : | – biểu diễn : |

10. Điền dấu thanh cho đúng :

VẼ NGỰA

Bé vẽ ngựa chẳng ra hình con ngựa. Thê mà bé kê với chị :

- Chị ơi, bà chưa trông thấy con ngựa bao giờ đâu !
- Sao em nghi thê ? – Chị hỏi.
- Sang nay, em vẽ một bức tranh con ngựa đưa cho bà xem, bà lại hỏi : “Chau vẽ con gì thê ?”



11. Viết 5, 7 câu về một người trong gia đình hoặc họ hàng mà em thích.

Gợi ý :

- Người đó là ai ? Bao nhiêu tuổi ? Đang làm gì ?
- Sở thích, thói quen, đặc điểm của người đó ?
- Em thích những gì ở người đó ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

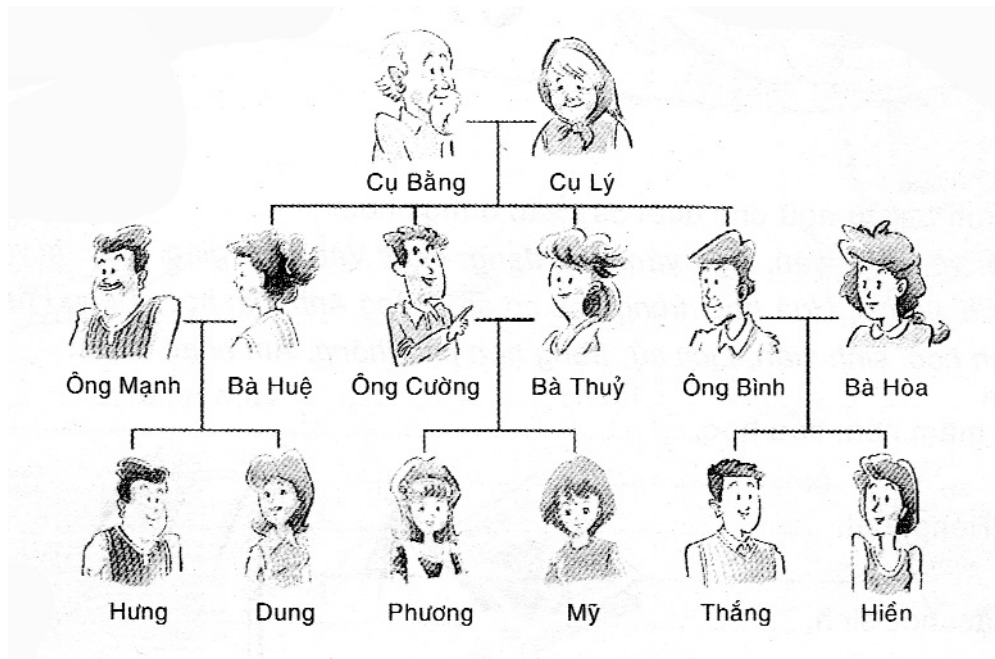
.....

.....

.....

.....

12. Dựa theo cây dòng họ của gia đình Phương (*Tiếng Việt Vui quyển 2*, tr.13), hãy vẽ cây dòng họ của gia đình em :



ÔNG
 (tên :)

BÀ
 (tên :)

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

BÀI 2



Trường học



1. Viết thêm các từ ngữ cho dưới đây vào đúng nhóm :

học trò, vở, giáo viên, Ngữ văn, cao đẳng, mực, Vật lí, cô giáo, giấy, truyện, Vẽ, bảng, Địa lí, tiến sĩ, Hoá học, trung học cơ sở, Tiếng Anh, đại học, Tiếng Pháp, dạy nghề, Sinh học, sinh viên, Lịch sử, trung học phổ thông, Âm nhạc

a) trường mầm non, tiểu học,

b) Toán, Tiếng Việt,

c) thầy giáo, học sinh,

d) sách, bút,

2. Viết 12 từ chỉ đồ dùng của em. Sau đó so sánh với bạn để bổ sung những từ em chưa biết.

M : áo, giày,...

—
—
—
—
—
—

—
—
—
—
—
—

3. Điền vào chỗ trống từ thích hợp : *cái, chiếc, bức, tấm, quả, cuốn, quyển*.

a)



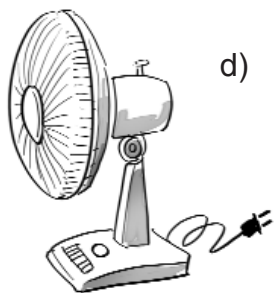
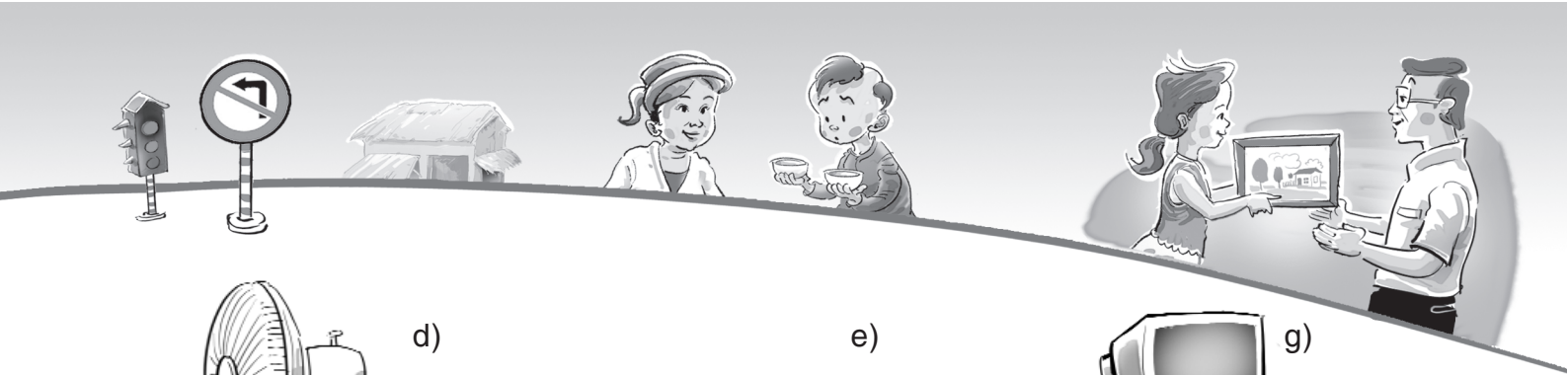
b)



c)



M : cái / chiếc khăn quàng ảnh miệng



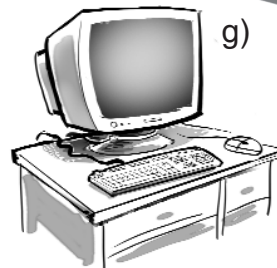
d)

..... quạt máy



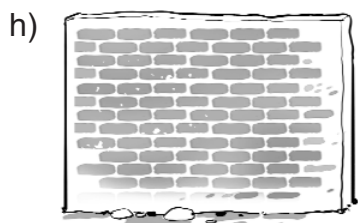
e)

..... chuối



g)

..... máy vi tính



h)

..... tường



i)

..... truyện



k)

..... bưu thiếp



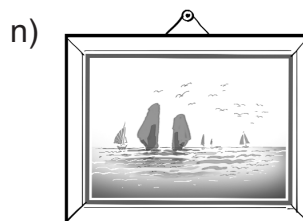
l)

..... Tiếng Việt Vui



m)

..... buổi



n)

..... tranh

4. Dựa vào kết quả ở bài 3, đánh dấu (+) vào ô trống thích hợp trong bảng sau :

	CÁI	CHIẾC	BÚC	TẤM	CUỐN / QUYỂN	QUẢ
M : khăn quàng	+	+				
ảnh						
miệng						
quạt máy						
chuối						
máy vi tính						
tường						
truyện						
bưu thiếp						
Tiếng Việt Vui						
buổi						
tranh						

5. Điền vào chỗ trống từ thích hợp (*cái, chiếc, cuốn, quyển, bức, quả*).

Sơn hỏi Hà :

– Sao (1) cặp của cậu nặng thế. Trong đó có gì vậy ?

– Có ba (2) sách, ba (3) vở, một (4) truyện tranh Doremon (Đô-rê-mon), mấy (5) tranh tứ mới vẽ, mấy (6) bút, một con búp bê, một (7) bánh mì và hai (8) chuối. Thế trong (9) túi vải của cậu có gì vậy ?

– Sáng nay tớ đi học võ. Trong túi của tớ chỉ có một (10) mũ, một bộ quần áo thể thao, một (11) bánh ngọt, một gói xôi và hai (12) cam. Học võ phải ăn nhiều mới có sức mà.

6. Điền từ trong ngoặc đơn (*kết thúc, em, chiếc, cô giáo, học, viết, rửa, đề, điểm, ngẩn*) vào chỗ trống thích hợp :

BÀI TẬP LÀM VĂN

Có lần, ở lớp, (1) ra một (2) văn : "(3) đã làm gì để giúp đỡ mẹ ?"

Tôi nghĩ một lúc, rồi (4) : "Em đã nhiều lần giúp mẹ. Em quét nhà và (5) bát. Thỉnh thoảng, em giặt (6) mũ vải của mình". Tôi không viết được gì hơn nữa vì ở nhà, mẹ tôi làm mọi việc. Khi mẹ bận, muốn nhờ tôi giúp việc này việc kia, nhưng thấy tôi đang (7), mẹ lại thôi.

Tôi nhìn sang Lusia, thấy Lusia viết liên tục. Thế là tôi bỗng nhớ có lần tôi giặt đôi tất len của mình, bèn viết thêm : "Em còn giặt tất".

Nhưng bài văn vẫn (8) quá. Tôi nhìn các bạn. Các bạn viết gì mà nhiều thế nhỉ ? Tôi nghĩ, rồi viết tiếp : "Em giặt cả áo sơ mi và quần soóc." Cuối cùng, tôi (9) bài văn : "Em muốn giúp mẹ nhiều việc hơn."

Bài văn của tôi được cô giáo cho (10) tốt.

Mấy hôm sau, sáng chủ nhật, mẹ bảo tôi :

– Kolia này ! Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần soóc đi nhé !

Tôi ngạc nhiên. Nhưng rồi tôi vui vẻ đi giặt quần áo làm vì đó là việc làm tôi đã viết trong bài văn của mình.

Theo Pivonarova

7. Đọc lại bài văn trên, trả lời câu hỏi :

a) Cô giáo ra cho lớp đề văn như thế nào ?

.....
.....

b) Vì sao Cô-li-a thấy bài văn khó viết ?

.....
.....

c) Vì sao khi mẹ bảo Cô-li-a đi giặt quần áo :

– Lúc đầu, Cô-li-a ngạc nhiên?

– Sau đó, bạn vui vẻ làm theo lời mẹ?

8. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B.

(Chú ý : Một dòng ở cột A có thể nối với nhiều dòng ở cột B)

A

a) những sáng chế

b) những học sinh

c) mấy chiếc xe đạp

d) mấy trang giấy

B

1) cũ đặt bên đường

2) kì lạ của các bạn nhỏ

3) trắng tinh đặt trên bàn

4) thông minh ngoan ngoán ấy

9. Điền từ ngữ thích hợp vào trước và sau những từ ngữ cho sẵn dưới mỗi tranh.

(một, những, áo đen, áo trắng, đội nón trắng, to lớn, trên cành)



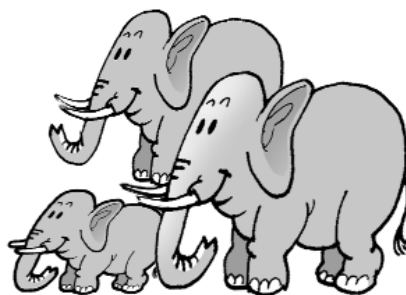
a)..... cô bé



b)..... chú chim nhỏ



c)..... cầu thủ



d)..... con voi

10. Sắp xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn theo thứ tự hợp lí để hoàn chỉnh đoạn hội thoại sau :

a) Đây là sách Tin học – một môn học (của lớp mình / mới).

—
.....

b) Những quyển sách (kia / đặt trên bàn / màu xanh) là sách Tiếng Anh đúng không ?

—
.....

c) Không. Đó là sách Ngữ văn – một môn học (ở trung học / thú vị).

—
.....

d) (học sinh / tất cả) lớp ta đều học Tin học và Tiếng Anh à ?

—
.....

e) Không. Tin học và Tiếng Anh là những môn học (theo sở thích / tự chọn).

—
.....

11. Đặt câu với các từ cho dưới đây theo mẫu.

M : Em bé thứ tư **mời** Mytyl lại xem cái máy kì diệu của mình.

a) bảo :

b) nhờ :

c) mời :

d) khuyên :

e) đề nghị :

12. Đặt câu với các từ cho dưới đây theo mẫu.

M : Em bé thứ nhất **nói là (rằng)** mình sẽ sáng chế một vật làm con người hạnh phúc.

a) nói :

.....
b) bảo :

c) giải thích :

.....
d) nghĩ :

e) khuyên :

.....
.....

13. Những từ dưới đây viết sai chính tả. Em hãy sửa lại cho đúng.

- | | |
|----------------------|---------------------|
| – giao dục : | – bút mực : |
| – sáng chê : | – xe nát : |
| – văn chương : | – kho bau : |
| – tương lai : | – khu vườn : |
| – đôi cánh : | – kì diệu : |
| – hạnh phúc : | – bí mật : |
| – mặt trăng : | – vườn quốc : |

14. Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7 câu kể về việc học của em ở trường.

Gợi ý :

- Em học ở trường nào ? Em học lớp mấy ? Em học mấy ngày trong tuần ?
- Lớp em có bao nhiêu học sinh ? Bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ ? Em thân nhất với bạn nào trong lớp ?
- Em học những môn học gì ? Môn học nào em thích nhất ? Vì sao em thích môn đó ? Môn học nào em không thích ? Vì sao ? ...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 3

Cộng đồng

1. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B.

A

B

a) cộng đồng

1) một nước độc lập

b) dân tộc

2) những người cùng dân tộc, cùng tổ quốc

c) quốc gia

3) nơi tổ tiên, ông bà, họ hàng mình sinh sống lâu đời, gắn bó với mình về tình cảm

d) quê hương

4) tập hợp những người cùng sống trong một vùng hoặc cùng có những đặc điểm giống nhau, gắn thành một khối trong xã hội

e) đồng bào

5) tập hợp những người sống lâu đời trong cùng một nước, có tiếng nói và các đặc điểm văn hoá, tính cách giống nhau

2. Viết thêm những từ ngữ em biết vào mỗi cột dưới đây. Sau đó trao đổi cùng bạn để bổ sung những từ em chưa biết.

Từ ngữ chỉ địa điểm sinh hoạt cộng đồng	Từ chỉ người trong cộng đồng	Từ ngữ chỉ sinh hoạt cộng đồng
công viên, rạp xiếc,	hàng xóm, diễn viên,	thăm hỏi,
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		



3. Nối từ ngữ ở cột A với những từ ngữ thích hợp ở cột B để tạo thành câu. (Chú ý : Một từ ngữ ở cột A có thể nối với nhiều từ ngữ ở cột B)

M (a - 4) : Mỗi người (có) một sở thích.

A

a) mỗi người

b) mỗi loài chim

c) mỗi loài hoa

d) mỗi ngày

B

1) một hương thơm

2) một giọng hát

3) một việc

4) một sở thích

5) một câu trả lời

6) một niềm vui

7) một sắc màu

4. Viết lại những câu ở bài tập 3.

—

—

—

—

—

—

—

—

—

—

5. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống :

ngạc nhiên, em, anh trai, bạn, sợ, không phải, họ hàng, giống, ăn thịt, biết

GÀ MÁI VÀ CÁ SẤU

Một hôm gà mái đi thăm (1) ở bên kia sông. Đến bờ sông, một con cá sấu bất ngờ chồm lên, vỗ gà mái. Gà mái kêu lên :

— Đừng ăn thịt (2)....., anh trai ơi !

Cá sấu ngạc nhiên quá vì thấy gà mái gọi mình là (3 “).....”. Nó bèn để cho gà mái đi.



Hôm sau, gà mái từ nhà bạn về, lại qua sông. Cá sấu lại vỗ gà mái định
(4)..... Gà mái lại kêu lên :

– Anh trai ơi ! Đừng ăn thịt em !

Cá sấu (5) hỏi :

– Tôi (6) là gà trống. Vì sao cô gọi tôi là “anh trai” ?

Gà mái đáp :

– Vì anh cũng nở ra từ trứng, (7) như em mà.

Cá sấu nói :

– Thế à ? Bây giờ anh mới (8) chuyện đó.

Từ đấy, gà mái tự do qua sông, không (9) bị cá sấu ăn thịt. Là
(10), ai lại ăn thịt nhau.

6. Đọc lại truyện “Gà mái và cá sấu”, trả lời câu hỏi :

a) Vì sao gà mái phải qua sông ?

.....

b) Vì sao lần thứ nhất vỗ được gà mái, cá sấu để cho gà mái đi ?

.....

c) Vì sao vỗ được gà mái lần thứ hai, cá sấu vẫn không ăn thịt gà mái ?

.....

d) Gà mái giải thích vì sao nó gọi cá sấu là “anh trai”?

.....

e) Câu chuyện kết thúc thế nào ?

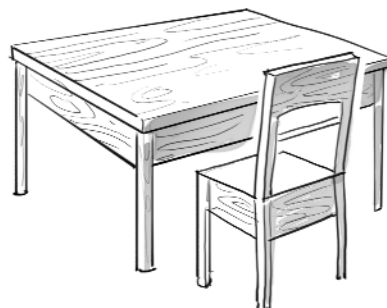
.....

7. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi :



a) Bộ ly này (làm) bằng gì ?

.....
.....



b) Bộ bàn ghế này (làm) bằng gì ?

.....
.....



a) Bộ ly này (làm) bằng gì ?

.....
.....



b) Bộ bàn ghế này (làm) bằng gì ?

.....
.....

8. Ghép hai câu thành một câu theo mẫu.

M : Hồ Tây là tên một hồ lớn ở Hà Nội. Lân thường bơi thuyền ở hồ này.

→ Hồ Tây là một hồ lớn ở Hà Nội mà Lân hay đến bơi thuyền.

a) Em đang mặc chiếc áo len màu xanh. Chị Linh mua cho em chiếc áo ấy.

.....
.....

b) Sơn thích truyện tranh Chú Vịt Mc Donald. Sơn mua quyển truyện ấy ở hiệu sách phố Đông.

.....
.....

c) Lan hỏi chị Phương về bức tranh Đông Hồ. Em nhìn thấy bức tranh ấy ở Bảo tàng Mỹ thuật.

.....
.....

d) Tâm kể cho Hạnh nghe về các làng nghề. Tâm đã đến thăm các làng nghề ấy khi về Việt Nam.

.....
.....

9. Mỗi câu dưới đây có 3 chữ viết sai chính tả. Hãy tìm những chữ đó và sửa lại cho đúng.

- a) Cầu Long Biên là cay cầu đầu tiên bắc qua sông Hồng.
- b) Từ Hà Nội, qua cầu Long Biên, rẽ phải sẽ đến làng nghề Bát Tràng.
- c) Dân làng Bát Tràng làm nghề gốm sứ.
- d) Từ thế kỉ XV, hàng gốm sứ ở đây đã được bán ra nước ngoài.
- e) Làng Vạn Phúc ở Hà Đông dệt lụa, làng Bưởi ở Hà Nội làm giấy, phố Lò Rèn làm nghề rèn, phố Hàng Than bán than, phố Hàng Đào trước đây làm nghề nhuộm vải.
- g) Ở Việt Nam có nhiều hoạt động cộng đồng, như gây quỹ giúp đỡ những người nghèo, giúp trẻ em ở những cơ sở bảo trợ xã hội, giúp đỡ đồng bào ở vùng bị bão lụt,...

10. Điền dấu thanh cho đúng :

MÓN CHÁO NGON

Một cô bé rất ngoan, sống với mẹ ở trong rừng. Một hôm, cô gặp một bà tiên.

Bà tiên nói :

– Con là cô bé ngoan, ta sẽ tặng cho con một món quà. Đây là một cái nồi. Khi nào đói, con nói : “Nồi xinh ơi, nấu đi !”, nó sẽ nấu ngay món cháo rất ngon cho con. Khi nào ăn no, con nói : “Nồi xinh ơi, dừng lại !”, nó sẽ không nấu cháo nữa.

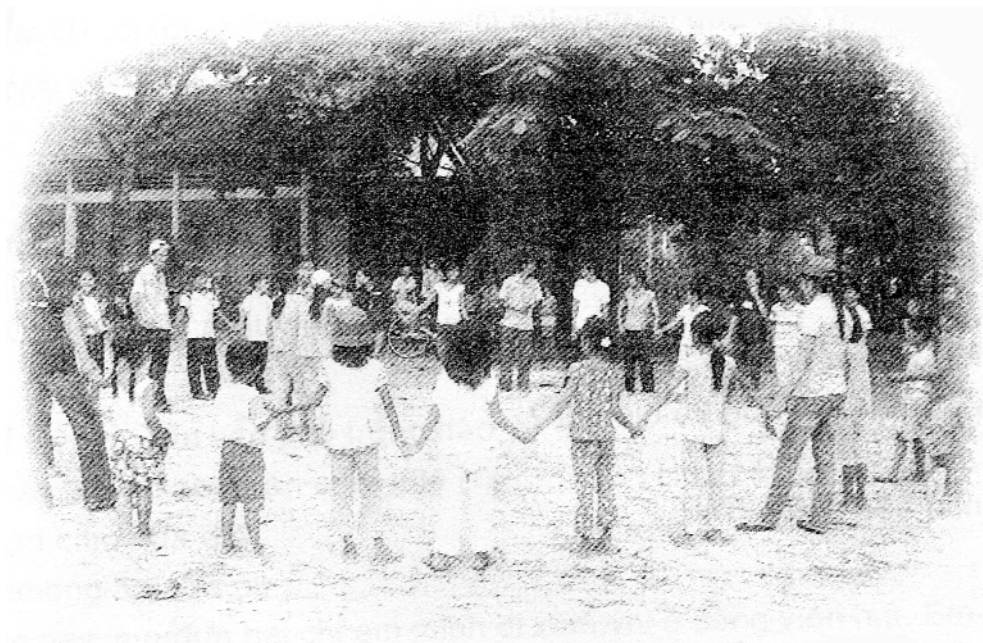
Từ đó, lúc nào đói, mẹ con cô gái ngoan lại có món cháo rất ngon để ăn.



11. Hãy viết 5 đến 7 câu về một cuộc du lịch hoặc một sinh hoạt tập thể mà em đã tham gia cùng bạn bè.

Gợi ý :

- Tên hoạt động đó là gì ?
- Hoạt động đó diễn ra thế nào ?
- Cảm nghĩ của em.

[illegible]

BÀI 4



Thời gian - Thời tiết



1. Viết thêm những từ ngữ em biết vào mỗi cột dưới đây. Sau đó, trao đổi cùng bạn để bổ sung những từ ngữ em chưa biết.

Từ ngữ chỉ thời gian	Từ ngữ chỉ thời tiết
sáng, sáng nay, mùa, mùa xuân,	nắng, mưa, mưa rào,
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

2. Điền **đã**, **đang**, **sắp** hoặc **sẽ** vào chỗ thích hợp.

CHÁY ! CHÁY !

Ông bố nọ có một cô con gái rất ngoan. Một hôm, khi ông (1) đi làm thì cô con gái chạy vào, kêu to :

– Bố ơi, cháy ! Nhà bếp (2) cháy.

Ông bố vội chạy vào bếp thì thấy lửa (3) cháy rất to. Thì ra cô con gái (4) để một đồng giấy báo lớn bên cạnh bếp và giấy báo (5) cháy. Thấy trên bếp có một nồi nước tắm rất to, ông bố kêu lên :

– Đổ ngay nước trong nồi vào lửa !

Cô con gái vội nói :

– Vô ích thôi vì đây là nước nóng. Con (6) đi lấy nước lạnh ngay.

Theo TRUYỆN VUI VÀ THƯ GIÃN BỐN PHƯƠNG

3. Đọc lại truyện trên, trả lời câu hỏi :

a) Cô con gái báo với ông bố điều gì ?

.....

b) Vì sao nhà bếp cháy ?

.....

.....

c) Vì sao cô gái không đổ nước trong nồi vào lửa ?

.....

.....



4. Đặt câu có từ *định* để :

a) Hỏi bố mẹ của bạn muốn đi chơi ở đâu vào chủ nhật.

.....
.....

b) Nói với bố mẹ là bạn muốn đi chơi ở công viên thành phố.

.....
.....

c) Nói với chị là bạn thích mua một chiếc áo dài và một chiếc nón.

.....
.....

d) Kể với bạn là cả nhà em muốn đi du lịch vào mùa hè tới.

.....
.....

5. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Dì Tư khuyên Nga : “Cháu phải học nấu ăn.”

→ Dì Tư khuyên Nga phải học nấu ăn.

a) Bà ngoại Bi nói : “Bà sẽ tặng cháu một chú chó con rất đẹp.”

.....
.....

b) Mẹ bảo Bi : “Thỉnh thoảng, con phải tắm cho chó con.”

.....
.....

c) Bi hỏi Tôm : “Cậu có thích đi chơi cùng tớ và chó con không ?”

.....
.....

d) Bi đề nghị anh : “Sáng mai, anh ra hồ cùng em dạy chó con tập bơi đi !”

.....
.....

6. Có thể điền từ *đâu* vào chỗ trống nào ?

Hoa thấy Bông không ăn cơm nữa (1) Hoa bảo Bông :

– Em ăn cơm nữa đi !

– Em không ăn nữa (2)

– Sáng nay, mẹ đưa hai chị em mình đi xem voi ở công viên mà. Em phải ăn no chứ.

– Em không thích đi xem voi (3)

– Thế chị em mình sẽ đi xem múa rối nước vậy.

- Không, em không thích xem múa rối nước (4) Em thích xem đèn lồng và hương cao cổ ở công viên (5)
- Nhưng ở công viên này không có đèn lồng và hương cao cổ (6)
- Tối hôm qua em xem tivi, em nhìn thấy đèn lồng và hương cao cổ ở công viên mà.

7. Viết tiếp câu có dùng từ *vậy*.

M : – Mẹ ơi, Tháng này gia đình mình đi Đà Lạt ă ?

– Tháng này có mưa bão. Gia đình mình đi Đà Lạt vào tháng sau **vậy**.

a) – Bố ơi, mùa hè này nhà mình về Việt Nam hỏ bố ?

– Mùa hè ở Việt Nam rất nóng. Nhà mình sẽ về Việt Nam

b) – Chúng mình gọi nem rán đi.

– Quán này hết nem rán rồi. Chúng mình ăn

c) – Sáng nay chúng mình đi bơi thuyền ở Hồ Tây đi.

– Tối qua tivi báo sáng nay sẽ có mưa rất to. Chúng mình đi

d) – Bác sĩ bảo tớ phải kiêng vận động một thời gian.

– Cậu là cầu thủ giỏi nhất. Thế thì đội bóng phải

8. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu.

(dậy sớm, làm nhiều, sẽ nghèo đói,

nên đến Việt Nam vào tháng sáu, được bạn bè mến)

M : Ai / Người nào thông minh, chăm chỉ thì người ấy học giỏi.

a) Ai tốt bụng người ấy

b) Ai thì người ấy no đủ.

c) Người nào lười thì người ấy

d) Người nào thì người ấy được thấy mặt trời lên.

e) Người nào thích mùa mưa thì người ấy

9. Đặt câu với các từ ngữ dưới đây theo mẫu.

M : Mùa đông lạnh **bao nhiêu**, mùa hè nóng **bấy nhiêu**.

a) cậu anh – cậu em (khỏe mạnh – ốm yếu)

.....

.....

b) cô chị – cô em (xinh đẹp – xấu xí)

.....

.....

c) con – ba mẹ (lớn – già)

.....
.....
d) thỏ – rùa (nhanh – chậm)

.....
e) gió – bão (mạnh – lớn)

.....
g) con – ba mẹ (học giỏi – mừng)

.....
10. Đặt câu với các từ ngữ dưới đây theo mẫu.

M : Mùa **nào** vườn rau nhà em **cũng** xanh tươi.

a) sáng nào ... cũng ...

.....
b) tối nào ... cũng ...

.....
c) mùa hè nào ... cũng ...

.....
d) mùa mưa nào ... cũng ...

.....
11. Giải thích từ **đành** theo cách của em.

M : Lan đành phải về Việt Nam vào mùa đông.

→ Lan muốn về Việt Nam vào mùa xuân để ăn Tết nhưng lại bận thi. Lan **đành** phải về Việt Nam vào mùa đông.

a) Tiến đành phải bỏ cuộc thi bóng bàn.

.....
b) Hùng đành phải về thành phố.

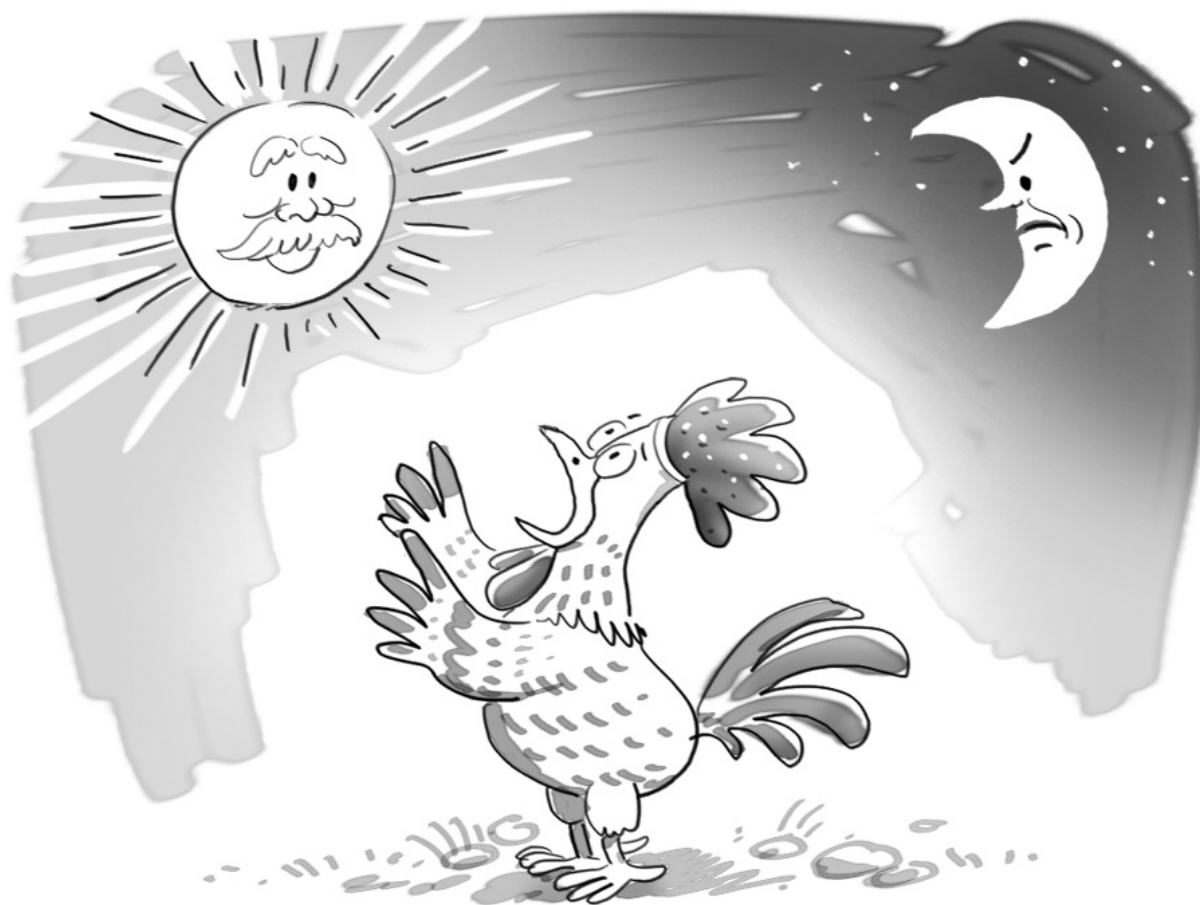
.....
c) Tâm đành phải ăn bánh mì.

.....
d) Hạnh đành phải mặc quần bò, áo sơ mi đi dự tiệc.

12. Điền dấu thanh cho đúng :

NGÀY VÀ ĐÊM

Ngày xưa, mặt trăng, mặt trời và gà trống cùng sống với nhau ở trên trời. Gà trống có một cái mũ màu đỏ. Mặt trăng thích cái mũ của gà trống, xin gà cho nó cái mũ. Gà không cho. Mặt trăng tức giận ném mũ của gà xuống mặt đất. Mặt đất rộng và tối qua, gà chẳng tìm thấy mũ. Nó nhờ mặt trời chiếu ánh sáng xuống mặt đất. Mặt trời chiếu sáng mặt đất, gà trống tìm thấy mũ. Nó đội mũ lên đầu rồi bay lên trời nhưng trời cao quá, nó không bay lên được. Nó nhờ mặt trời kéo nó lên. Mặt trời không kéo gà lên được. Mặt trời bảo gà trống hãy ở lại mặt đất. Khi nào ngu dốt, gà trống gọi “Mặt trời ơi!” thì nó sẽ đây nói chuyện với gà trống.



BÀI 5



Giao thông



1. Nối A với B cho thích hợp.

A

a) Vé ngồi
b) Vé nằm
c) Tiếp viên hàng không
d) Nhân viên đường sắt
e) Nhà ga
g) Sân bay

B

1) nơi hành khách đến để lên máy bay
2) vé tàu hoả, ở toa có ghế ngồi
3) nơi hành khách đến để lên tàu hoả
4) người phục vụ trên máy bay
5) người phục vụ trên tàu hoả
6) vé tàu hoả, ở toa có giường nằm

2. Xem bảng giờ tàu hoả từ Hà Nội đi một số nơi ở Trung Quốc, đặt câu hỏi và trả lời.

TỪ GA	LÚC	ĐẾN GA	LÚC	KHOẢNG CÁCH
Hà Nội	18h.00	Đồng Đăng	22h.40	167 km
Hà Nội	18h.00	Bắc Ninh	03h.00	181 km
Hà Nội	18h.00	Nam Ninh	08h.50	401 km
Hà Nội	18h.00	Quế Lâm	17h.18	832 km
Hà Nội	18h.00	Hoàng Dương	22h.58	1 194 km
Hà Nội	20.38	Hải Khẩu	05h.25	1 762 km

a) Hà Nội – Đồng Đăng

M : A : – Đồng Đăng cách Hà Nội bao xa ?

B : – 167km.

A : – Tàu hoả chạy từ Hà Nội đến Đồng Đăng mất bao lâu?

B : – 4 tiếng 10 phút.

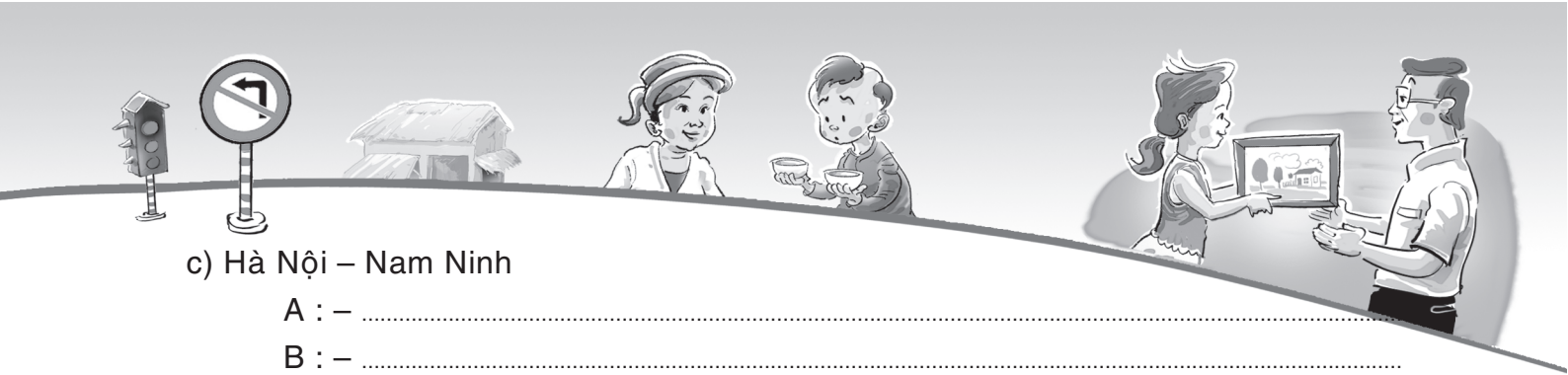
b) Hà Nội – Bắc Ninh

A : –

B : –

A : –

B : –



c) Hà Nội – Nam Ninh

A : –
 B : –
 A : –
 B : –

d) Hà Nội – Quế Lâm

A : –
 B : –
 A : –
 B : –

e) Hà Nội – Hoàng Dương

A : –
 B : –
 A : –
 B : –

g) Hà Nội – Hán Khẩu

A : –
 B : –
 A : –
 B : –

3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

an toàn, lái xe, dừng, bằng

Một người đang (1) thì cảnh sát yêu cầu (2) xe lại. Anh ta mở cửa xe và hỏi cảnh sát : "Có chuyện gì không ạ ?"

Cảnh sát trả lời : "Không có chuyện gì. Tôi thấy anh lái xe rất (3) Anh được giải thưởng "Người lái xe an toàn" có giá 5.000 USD. Chúc mừng anh nhé ! Anh cho biết anh sẽ làm gì với giải thưởng này ?"

Người lái xe nghĩ một lúc rồi nói : "À, tôi sẽ đi thi lấy (4) lái xe".

4. Đọc lại truyện trên, trả lời câu hỏi :

a) Người lái xe bị ai yêu cầu dừng xe ?

.....

b) Anh ta hỏi cảnh sát điều gì ?

.....

c) Anh cảnh sát trả lời ra sao ?

.....

d) Anh cảnh sát hỏi người lái xe điều gì ?

.....

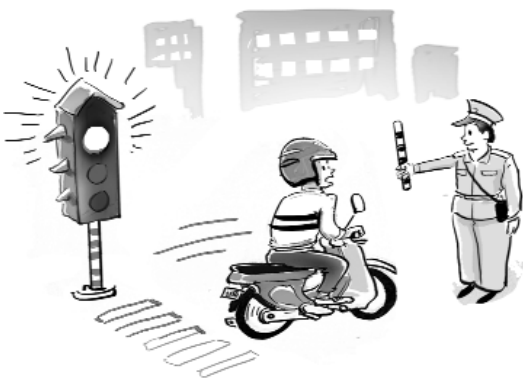
.....

e) Theo em, cảnh sát sẽ làm gì sau khi nghe câu trả lời của người lái xe ?

.....

.....

5. Xem tranh, cho biết người trong tranh không được làm gì, phải làm gì.



M : a) Không được vượt đèn đỏ.

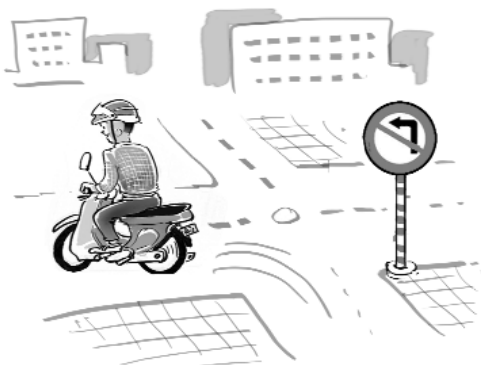
b)



c)



d)



e)

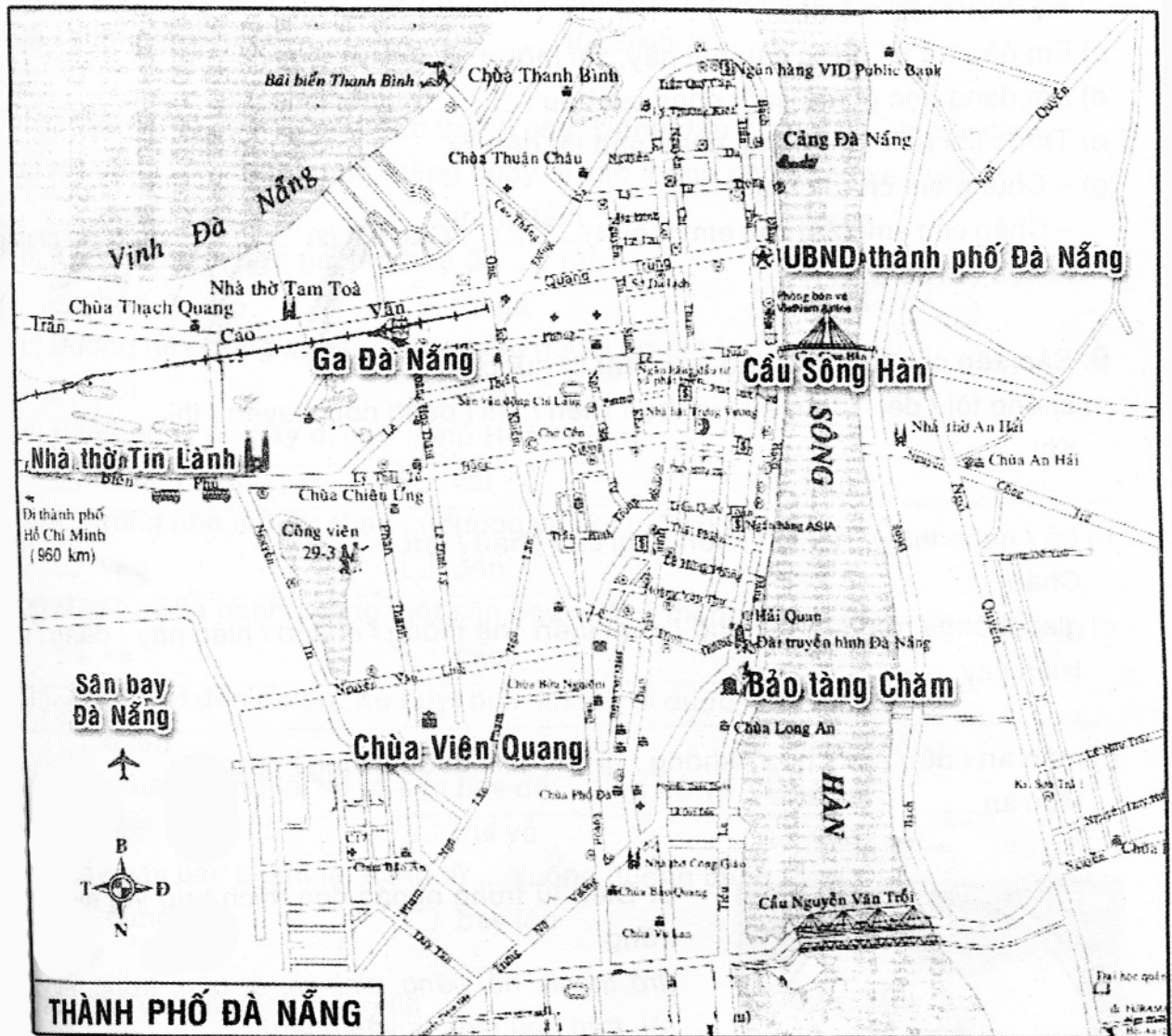
6. Xem bản đồ thành phố Đà Nẵng, tập chỉ đường theo các tình huống sau :

a) Bạn đang ở nhà thờ Tin Lành, bạn muốn đi đến cầu Sông Hàn.

.....

.....

.....



b) Bạn đang ở ga Đà Nẵng, bạn muốn đi đến Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

.....

.....

.....

c) Bạn đang ở chùa Viên Quang, bạn muốn đi đến sân bay Đà Nẵng.

.....

.....

.....

d) Bạn đang ở cầu sông Hàn, bạn muốn đi đến Bảo tàng Chăm.

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

- a) Phòng tối quá. Sao cháu không (1) đèn (2) ?
- b) Mẹ ơi, mẹ nhắm mắt (1) Khi nào con bảo mẹ (2) mắt (3) ,
mẹ mới được mở nhé.
- c) Em nào trả lời được câu hỏi này, xin mời (1) tay (2)
- d) Em đang học gì mà suốt ngày cúi đầu quyển sách thế ?
- e) Trước khi ra khỏi phòng, cháu nhớ tắt đèn và cửa sổ nhé.
- g) – Chúng em chào cô ạ ?
– Chào các em. Mời các em ngồi (1) Các em (2) sách ra, chúng
ta học bài số 5.

8. Sắp xếp các từ trong câu theo trật tự đúng :

- a) chúng tôi / đến / bạn ấy / về bạn Hiền / khi / đến / đang nói chuyện / thì
Khi
- b) bà / nghe thấy / nói to / không / gì cả / cháu / lên
Cháu
- c) giao thông / trong thành phố / phát triển / hệ thống / nhanh / hiện nay / đang / rất
Hiện nay,
- d) món ăn / nên / cay quá / không / gì cả / tôi / được / cũng / nào / ăn
Món ăn



9. Điền từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống :

(trở thành, nổi tiếng, sinh ra, ở, bên, muốn, rời, trên, thế giới, nổi tiếng, truyện ngắn)

Mark Twain là một nhà văn Mỹ (1)
Tên thật của ông là Samuel Langhorne Clement,
còn bút danh của ông là “Mark Twain”. Samuel
Clement (2) ở một thành phố nhỏ nằm
(3) bờ sông Missouri ở Mỹ. Cậu bé
Samuel có rất nhiều bạn (4) trường
phổ thông, và sau này khi đã (5)
nhà văn, ông đã miêu tả họ (6) các

truyện của mình. Khi Samuel 12 tuổi, bố ông mất, vì vậy cậu bé Samuel bỏ học đi làm. Samuel luôn luôn (7) trở thành một thủy thủ, và khi 20 tuổi, ông tìm được việc làm (8) một con tàu sông. Sau một thời gian, ông (1) khỏi tàu và đến sống ở California. Ở đây ông bắt đầu viết các truyện ngắn với cái tên là Mark Twain. Người đọc rất thích các (10) của Mark Twain. Năm 1876, ông xuất bản truyện (11) nhất của mình : “Cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer”- một cuốn sách được các cô bé và cậu bé ở tất cả các nước trên (12) ưa thích.

10. Điền từ thích hợp để hoàn thành câu. Đánh dấu ✓ vào em lựa chọn.

a) Họ sống ở ... thành phố, hàng ngày đi vào thành phố bằng xe buýt.

☐ ngoài ☐ trung tâm ☐ trong

b) Khi chúng tôi đến ga, tàu hỏa đã ... rồi.

☐ bay ☐ rời ga ☐ đi về

c) Đường này đông xe quá nên nhiều người sợ đi bộ ... đường.

☐ với ☐ qua ☐ theo

d) Hàng ngày ông ấy đi dạo ... hồ Hoàn Kiếm.

☐ quanh ☐ với ☐ cùng

e) Từ trong nhà, cô ấy chạy ... đường và gọi: "Taxi ! Taxi !"

☐ vào ☐ đến ☐ ra

g) Máy bay hạ cánh xuống một sân bay nhỏ ... thành phố 20 km.

☐ xa ☐ cách ☐ từ

h) Xin lỗi tôi đến muộn. Xe buýt bị ... không đi được.

☐ quên ☐ xa ☐ tắc đường

i) Sáng mai chúng tôi sẽ ra sân bay để ... Lân trở về Việt Nam.

☐ đón ☐ vui vẻ ☐ đưa

k) Máy bay bay chậm lại rồi từ từ ... xuống đường băng.

☐ dừng lại ☐ bay lên ☐ hạ cánh

11. Đọc và kiểm tra thông tin :

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phố Đà Nẵng là một trong những đô thị đẹp nhất Việt Nam, và là một điểm du lịch nổi tiếng của miền Trung Việt Nam. Đà Nẵng vừa có núi, vừa có biển, có những cảnh đẹp nổi tiếng như Ngũ Hành Sơn, Bà Nà, đèo Hải Vân và nhiều bãi biển đẹp.

Đà Nẵng cách Hà Nội 764km. Bạn có thể đến Đà Nẵng bằng máy bay, xe lửa hoặc ô tô. Nếu đi bằng xe lửa, bạn lên tàu lúc 19 giờ tối, 11 giờ trưa hôm sau bạn đã có mặt tại thành phố Đà Nẵng.

Đến Đà Nẵng, bạn có thể chọn nơi nghỉ theo túi tiền. Giá một phòng khá đẹp tại các khách sạn tư nhân từ 300 000 đ đến 450 000 đ. Phương tiện đi lại chủ yếu là xe ôm. Bạn có thể thuê xe máy nếu có giấy phép lái xe.

Khi chuẩn bị về Hà Nội, bạn nhớ đặt mua vé tàu trước tại khách sạn. Xuất phát từ ga Đà Nẵng lúc 14 giờ 15 phút chiều, 4 giờ 30 phút sáng hôm sau bạn đã có mặt tại Hà Nội. Chắc chắn bạn sẽ hài lòng về chuyến đi.

Theo ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Đánh dấu ☒ vào ☐ trước ý đúng :

- a) Đà Nẵng ở miền Nam Việt Nam.
- b) Ở Đà Nẵng vừa có biển vừa có núi.
- c) Đà Nẵng cách Hà Nội 764 km.
- d) Bạn chỉ có thể đến Đà Nẵng bằng tàu hoả.
- e) Từ Hà Nội đến Đà Nẵng đi bằng tàu hoả mất 10 tiếng.
- g) Phương tiện đi lại chủ yếu ở Đà Nẵng là xe ôm.
- h) Muốn thuê xe máy, bạn phải có giấy phép lái xe.

☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐


12. Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu về một phương tiện giao thông mà em thích.

.....

.....

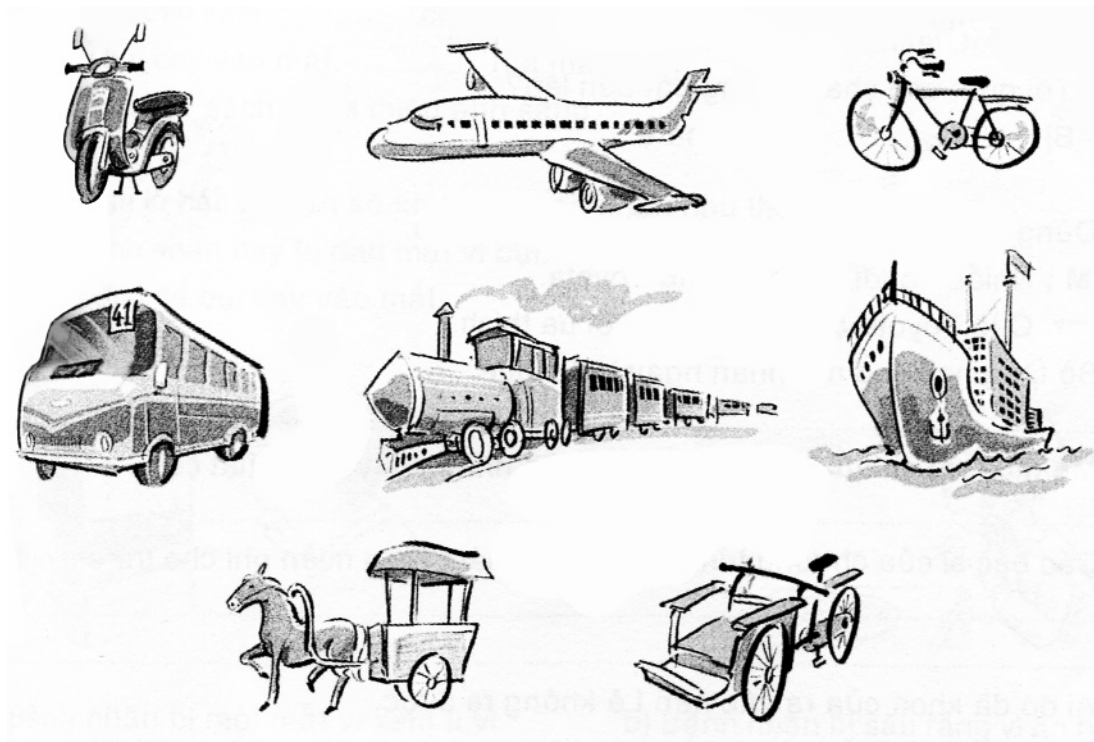
.....

.....

.....

.....

.....





1. Điền **bị** hoặc **được** vào câu cho thích hợp :

- Một số trẻ em vì gia đình nghèo quá nên không đi học.
- Con trâu nhà ông Sen chết vì rét.
- Máy tính của bố hỏng rồi, phải đưa đi sửa.
- Tuần tới Mary sang Việt Nam thăm bác bạn ấy.
- Cháu làm sao thế ? Sao cháu khóc thế ?
- Xin chào anh. Rất vui làm quen với anh.
- Cậu biết không, đêm hôm qua tớ không ngủ tí nào vì bài kiểm tra ngày hôm nay đây.

2. Điền các từ sau vào chỗ trống thích hợp :

gãy chân, vỡ, đau mắt, mất điện, cúm, chết

- Cái cốc rơi xuống đất và bị
- Hôm trước bạn Nam đi đá bóng, bị
- Hôm nay trời không nắng, sao cậu đeo kính râm ?
– Tớ bị
- Cái cây kia không có nước, bị rồi.
- Em bị sốt, lại ho và sổ mũi nữa. Có lẽ em bị
- Tối quá, sao cháu không bật đèn lên?
– Bị từ sáng bà ạ.

3. Dùng **được** hoặc **bị** chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Nhiều người ưa thích ô tô Toyota.

→ Ô tô Toyota được nhiều người ưa thích.

- Bố tặng hoa cho mẹ nhân ngày Valentine.

.....

- Mẹ mua rất nhiều đồ chơi đẹp cho con nhân ngày sinh nhật con.

.....

- Các bác sĩ của chương trình "Nụ cười" khám rằng miễn phí cho trẻ em nghèo.

.....

- Ai đó đã khoá cửa ra vào nên người trong nhà không thể đi ra ngoài được.

.....

- Giám đốc nhà máy từ chối tăng lương cho công nhân.

.....



4. Chọn từ thích hợp để hoàn chỉnh câu.

M : Bờm bị ông (**mắng, khen**) vì để trâu ăn lúa.

→ Bờm bị ông **mắng** vì để trâu ăn lúa.

a) Anh Nam bị công an (nói chuyện, phạt) vì đi vào đường một chiều.

b) Tên trộm bị công an (đón, bắt).

c) Học sinh bị thầy giáo (yêu cầu, phê bình) vì nói chuyện trong lớp.

d) Ngôi nhà bên sông bị bão (xây dựng, phá huỷ) hoàn toàn.

e) Vì mưa to, điện bị (cắt, bật).

5. Điền **đừng / phải vào chỗ trống thích hợp :**

a) để dầu gội đầu chảy vào mắt.

b) xem ti vi quá nhiều, mắt bị mỏi.

c) Nếu bạn đeo kính, chọn kính tốt và giữ gìn cẩn thận.

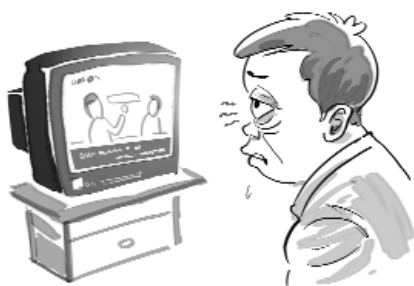
d) Khi bị bụi vào mắt, rửa mắt ngay.

e) đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng.

6. Nếu bạn là bác sĩ, bạn sẽ khuyên bệnh nhân như thế nào ?

M : Bệnh nhân hay bị đau mắt vì bụi.

→ Đừng để bụi bay vào mắt.



a) Bệnh nhân bị mỏi mắt vì xem ti vi quá nhiều.



b) Bệnh nhân bị sâu răng vì ăn nhiều kẹo.



c) Bệnh nhân bị đau lưng vì mang túi nặng quá.

.....

.....



d) Bệnh nhân bị viêm họng vì uống quá nhiều nước đá.

.....

.....



e) Bệnh nhân bị tiêu chảy vì ăn thức ăn cũ.

.....

.....



g) Bệnh nhân bị béo phì vì ăn quá nhiều.

.....

.....

7. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Để bảo vệ mắt, cần phải đọc sách ở nơi có đủ ánh sáng và không được xem ti vi quá nhiều.

→ Để bảo vệ mắt, **không những** cần phải đọc sách ở nơi có đủ ánh sáng **mà còn** không được xem ti vi quá nhiều.

a) Để không bị béo phì, không được ăn quá nhiều và phải tập thể dục.

.....

.....

b) Để không bị đau lưng, không được mang vật nặng và không được ngồi một chỗ quá lâu.

.....

.....

c) Để không bị sâu răng, không được ăn nhiều bánh kẹo và phải đánh răng sau khi ăn.

d) Để không bị cảm lạnh, cần phải giữ ấm cổ và giữ ấm bàn chân.

e) Để không bị cận thị, không được để sách ở quá gần mắt và phải đọc sách ở nơi đủ ánh sáng.

g) Khi trời nắng to, để không bị say nắng, cần phải đội mũ khi đi ra nắng và không được ở dưới nắng quá lâu.

8. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống (*thưởng thức, cận thị, nhân ái, giá trị, có hại*)

a) Khi bị, người ta không thể nhìn rõ những vật ở khoảng cách xa.

b) Ni-cô-tin trong thuốc lá là một chất cho sức khỏe.

c) Tôi thích đi đến những nơi xa và những món ăn mới lạ.

d) Bác sĩ giỏi không những phải chữa bệnh giỏi mà còn phải có lòng

e) Một số loại cây lá có chữa bệnh giống như thuốc.

9. Sắp xếp các câu sau theo trật tự đúng bằng cách đánh số thứ tự vào ☐ sau mỗi câu :

a) Một người đàn ông chạy đến bác sĩ, vẻ rất lo lắng.

☐ 1

b) Ông ta nói : "Bác sĩ cứu tôi với, tôi đã nuốt một con ngựa !".

☐ 2

c) Sau khi uống thuốc, anh ta ngủ ngay.

☐

d) Người đàn ông nhìn con ngựa và kêu lên : "Bác sĩ đừng nói dối ! Tôi đã nuốt một con ngựa màu trắng, còn con ngựa này màu nâu !".

☐

e) Người đàn ông giận dữ : "Tại sao bác sĩ không tin tôi? Con ngựa đang nhảy lên trong dạ dày tôi đây này".

☐

g) Người đàn ông trả lời : "Bác sĩ tìm cách lấy con ngựa ra kéo tôi chết mất".

☐

h) Bác sĩ chạy ra phố, mượn một con ngựa và mang về.

☐

i) Bác sĩ hỏi : "Bây giờ anh muốn gì ?"

☐

- k) Khi người đàn ông thức dậy, bác sĩ chỉ con ngựa và nói: "Anh nhìn xem, tôi đã lấy con ngựa ra khỏi dạ dày cho anh rồi". ☐
- l) Bác sĩ nghĩ một lúc rồi cho người đàn ông uống một viên thuốc. ☐
- m) Bác sĩ trả lời : "Anh đừng lo lắng thế. Anh làm sao mà nuốt được một con ngựa." ☐

10. Đọc bài sau :

Chúng ta đều muốn ngủ ngon ban đêm, nhưng một số người rất dễ ngủ, còn một số khác thì khó ngủ, hoặc mất ngủ. Vậy làm thế nào để ngủ ngon ? Trước hết, bạn đừng ngủ trưa nhiều. Bạn chỉ nên ngủ trưa từ 20 đến 30 phút. Nếu ngủ trưa 1 đến 2 tiếng thì ban đêm chắc bạn không buồn ngủ. Bạn cũng không nên uống trà hay cà phê sau bữa tối, vì cà phê và trà sẽ làm bạn không buồn ngủ. Nếu bạn có thói quen tập thể dục vào buổi sáng hoặc buổi chiều thì rất tốt, bạn sẽ ngủ ngon vào ban đêm. Nhưng nếu bạn tập thể dục vào buổi tối thì bạn sẽ cảm thấy khó ngủ. Khi đi ngủ, nên tắt đèn, vì ánh sáng có thể làm bạn khó ngủ. Bạn không nên ăn quá no trước khi đi ngủ, vì dạ dày bạn sẽ phải làm việc cả đêm. Nếu bạn vẫn cảm thấy khó ngủ, có thể uống một ly sữa nóng, hoặc nghe nhạc, hoặc tắm nước ấm trước khi đi ngủ. Nếu bạn cảm thấy khó ngủ vì bị lo lắng hay stress, thì trước khi đi ngủ, hãy viết ra giấy những điều làm cho bạn lo lắng, sau đó quên tất cả và đi ngủ.

Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng.

a) Nên ngủ trưa bao lâu ?

- ☐ 1 tiếng
- ☐ 20 đến 30 phút
- ☐ 1 đến 2 tiếng

b) Trước khi đi ngủ nên uống gì ?

- ☐ Sữa nóng
- ☐ Cà phê
- ☐ Trà

c) Không nên tập thể dục vào lúc nào trong ngày ?

- ☐ Buổi sáng
- ☐ Buổi chiều
- ☐ Buổi tối

d) Nếu cảm thấy khó ngủ, nên làm gì ?

- ☐ Uống sữa nóng, ăn no, nghe nhạc
- ☐ Uống sữa nóng, ăn no, tắm nước ấm
- ☐ Uống sữa nóng, tắm nước ấm, nghe nhạc

11. Đọc lại văn bản ở bài tập 11, trả lời câu hỏi :

a) Vì sao không nên ăn no trước khi đi ngủ ?

.....

b) Vì sao không nên uống trà hoặc uống cà phê sau bữa tối ?

.....

c) Vì sao không nên bật đèn trong khi ngủ ?

.....

d) Nếu bị khó ngủ vì lo lắng, ta nên làm gì ?

.....

e) Bạn có thường xuyên ngủ trưa không ? Nếu có, bạn thường ngủ bao lâu ?

.....

g) Bạn có bao giờ bị mất ngủ không ? Khi bị mất ngủ, bạn thường làm gì ?

.....

.....



1. Khớp tranh với nhãn mặt hàng.

a)



b)



c)



d)



e)



g)



h)



i)



1) Thảm len Trung Quốc

2) Nồi i-nốc Đức

3) Chiếc cối Việt Nam

4) Tủ sách gỗ công nghiệp Singapore

5) Bình hoa thủy tinh Pháp

6) Chăn bông Việt Nam

7) Bát gốm sứ Nhật

8) Chậu nhựa Thái Lan



2. Nhìn tranh và dựa vào kết quả của bài tập 1, hoàn thành các đoạn hội thoại sau :

a) A : – Những bình hoa này làm bằng gì ?

B : – (Làm) bằng

A : – Của ai sản xuất ?

B : – Của

b) A : – Những chiếc làm bằng gì ?

B : –

A : – Của sản xuất ?

B : – Của

c) A : – Những bằng gì?

B : – Bằng

A : – Của sản xuất ?

B : – Của

d) A : – Những ?

B : – len.

A : – sản xuất ?

B : – Của

e) A : – Những ?

B : – nhựa.

A : – Của ai ?

B : –

g) A : – bằng gì?

B : –

A : – sản xuất ?

B : –

h) A : – ?

B : – Bằng

A : – ?

B : – Của sản xuất.

i) A : – ?

B : – Bằng

A : – sản xuất ?

B : –

3. Viết tên 5 vật dụng của em. Ghi rõ những vật dụng đó được làm bằng gì và của ai sản xuất.

M : Túi xách - làm bằng vải - của Việt Nam sản xuất.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)

4. Đặt câu hỏi ***có phải ... không*** ? để kiểm tra lại thông tin theo mẫu.

M : Hàng này là của Việt Nam sản xuất

→ ***Có phải*** hàng này là của Việt Nam sản xuất ***không*** ?

a) Cuối tuần này chúng ta được đi xem triển lãm.

b) Hè này Minh sẽ về Việt Nam chơi.

.....
.....

.....
.....

c) Chợ Đồng xuân là chợ lớn nhất ở Hà Nội.

d) Tối nay bạn Mai sẽ mời chúng ta đi chợ đêm.

e) Những hàng bán ở đây đều làm bằng tay.

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

g) Cô giáo Hiền sẽ dạy tiếng Việt ở lớp ta.

h) Tâm đã được đến làng gốm Bát Tràng ở Hà Nội.

i) Ngày mai ở siêu thị có nhiều hàng khuyến mại

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

5. Dựa vào thông tin quảng cáo để trả lời câu hỏi theo mẫu.

M : A : – Có phải đây là hội chợ hàng tiêu dùng thủ công không?

B : – Đúng rồi. Đây là hội chợ hàng tiêu dùng thủ công.

A : – Có phải hội chợ bắt đầu từ mùng 1 đến 15 tháng 3 không ?

B : – Không phải. Hội chợ bắt đầu từ mùng 1 đến mùng 5 tháng 3.



a) – Có phải đây là hội chợ hàng tiêu dùng chất lượng cao không ?

.....

b) – Có phải hội chợ bắt đầu từ mùng 1 tháng 3 không ?

.....

c) – Có phải hội chợ này được tổ chức ở Trung tâm Triển lãm Giảng Võ không ?

.....

d) – Có phải hội chợ này có nhiều hoạt động vui chơi có thưởng không ?

.....

e) – Có phải hội chợ này có chương trình giới thiệu cách làm gỏi Bát Tràng không ?

.....

g) – Có phải hội chợ này có cả thi nấu cơm không ?

.....

h) – Có phải hội chợ này có chương trình tặng quà khuyến mại không ?

.....

.....

6. Điền các cụm từ **nhìn thấy, nghe thấy** vào chỗ trống thích hợp.

M : Bác ơi, chỗ bán văn phòng phẩm ở đâu ? Cháu chưa **nhìn thấy**.

- a) Linh ơi, bạn có hàng mây tre ở đâu không ?
- b) Chợ ồn quá, mình không gì cả. Bạn nói to lên.
- c) Mọi người chưa Hoa hát trước đám đông bao giờ.
- d) Minh nói đã túi làm bằng bèo tây ở hội chợ.
- e) Họ đang đọc tên người trúng thưởng đấy, bạn có tên mình không ?
- g) Nói nhỏ quá bà không gì đâu.
- h) Nhãn hàng mờ quá mình không giá sản phẩm đâu cả.

7. Gạch dưới từ trong ngoặc đơn thích hợp với chỗ trống để hoàn thành câu.

- a) Cô giáo : – Cô đề nghị mỗi người phải (1)..... (nghĩ / nghĩ ra) một sáng kiến.
Hùng, em (2)..... (nghĩ / nghĩ ra) chưa ?
Hùng : – Em (3)..... (nghĩ / nghĩ ra) rồi ạ. Em có sáng kiến là nhờ bạn Quang (4)..... (nghĩ / nghĩ ra) hộ. Bạn ấy rất giỏi ạ.
- b) Chị : – Em (1)..... (nghĩ / nghĩ ra) lâu thế mà vẫn không (2)..... (nghĩ / nghĩ ra) à ?
Em : – Tại sao chị lại (3)..... (nghĩ / nghĩ ra) là em đã (4)..... (nghĩ / nghĩ ra) rất lâu ?
Chị : – Chị thấy em ngồi từ chiều mà !
Em : – Nhưng em có (5)..... (nghĩ / nghĩ ra) đâu mà (6)..... (nghĩ / nghĩ ra). Em ngủ quên mà. Bây giờ em bắt đầu (7)..... (nghĩ / nghĩ ra) đây.

8. Đọc đoạn văn sau, đánh dấu ☒ vào ☐ thích hợp kiểm tra thông tin đúng hay sai ? Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.

Ở gần nhà Diệp mới có một siêu thị. Trong siêu thị có bán đủ các mặt hàng : thực phẩm, rau quả, đồ gia dụng, đồ chơi, quần áo, giày dép và cả sách báo nữa.

Hôm nay là ngày khuyến mại của siêu thị. Người ra vào tấp nập cả ngày. Diệp cùng chị vào siêu thị mua sắm. Diệp mua được một đôi giày thể thao giá rất rẻ. Còn chị của Diệp thì được tặng một cuốn sách dạy nấu ăn. Ngoài ra, hai chị em còn được mời nếm rất nhiều các loại món ăn miễn phí ở gian hàng đồ ăn sẵn. Đi siêu thị ngày khuyến mại thật vui !

	ĐÚNG	SAI
a) Siêu thị có bán nhiều mặt hàng.	☐	☐
b) Bạn có thể mua đồ ăn sẵn ở siêu thị này.	☐	☐
c) Siêu thị này không bán rau.	☐	☐
d) Trong ngày khuyến mại, siêu thị này rất đông khách.	☐	☐
e) Bạn có thể nếm thức ăn miễn phí ở đây.	☐	☐
g) Siêu thị này không có chương trình tặng quà trong ngày khuyến mại.	☐	☐

9. Đọc lại đoạn văn trên, trả lời câu hỏi :

a) Diệp đã mua gì ở siêu thị ?

.....

b) Chị của Diệp có mua gì không ?

.....

c) Chị của Diệp được tặng gì ?

.....

d) Hai chị em Diệp được mời làm gì khi đi siêu thị ?

.....

.....

10. Điền dưới mỗi



a)



b)



tranh tên các mặt hàng được bày ở chợ.

c)



d)



e)



g)



h)



i)



k)



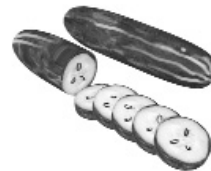
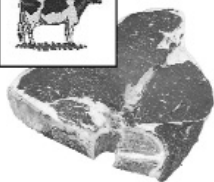
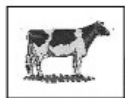
l)



m)



n)



o)

p)

q)

r)



s)

t)

u)



v)

x)

11. Phân loại các mặt hàng trên vào các cột sau :

Hoa quả	Thực phẩm tươi sống		Món ăn
	Rau	Thịt	
—	—	—	—
—	—	—	—
—	—	—	—
—	—	—	—
—	—	—	—
—	—	—	—
—	—	—	—
—	—	—	—

12. Viết thêm những từ em biết vào mỗi cột. Sau đó trao đổi cùng bạn để bổ sung những từ em chưa biết.

Hoa quả	Thực phẩm tươi sống		Món ăn
	Rau	Thịt	
.....			
.....			
.....			
.....			

13. Điền từ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành câu.

(*tấp nập, sầm uất, hấp dẫn, chen chúc*)

- a) Bộ phim này rất
- b) Hà Nội là một thành phố nhỏ nhưng rất khách du lịch.
- c) Quán phở này lúc nào cũng đông vui,
- d) Khu rừng hoang ngày xưa nay đã trở thành một khu công nghiệp
- e) Đường phố Hà Nội trong những ngày giáp Tết lúc nào cũng
- g) Chợ Bến Thành nổi tiếng là một khu chợ nhất thành phố Hồ Chí Minh.
- h) Vào đêm giao thừa, mọi người đứng quanh Hồ Gươm để xem pháp hoa và đón Giao thừa.

14. Đọc và viết lại những từ sau :

- | | |
|------------------------|----------------------|
| – trung tâm : | – miễn phí : |
| – triển lãm : | – giới thiệu : |
| – xuất khẩu : | – ẩm thực : |
| – công nghiệp : | – hấp dẫn : |
| – khuyến mại : | – sầm uất : |
| – chất lượng : | – hấp dẫn : |
| – chương trình : | – chen chúc : |

15. Viết về một món quà sinh nhật mà em được tặng. Gợi ý :

- Đó là món quà gì ? Của ai tặng em ? Em được tặng khi nào ?
- Món quà đó được làm bằng gì ? Ở đâu sản xuất ? / Do ai làm ?
- Vì sao em thích món quà đó ?
- Em có thường dùng nó không ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Trang phục



1. Hoàn thành các câu nói về dự định của các nhân vật.

M : Lan / ngày mai / đi may một chiếc áo dài.

→ Lan **định** ngày mai đi may một chiếc áo dài.

→ Lan **định** ngày mai (sẽ) đi may một chiếc áo dài.

a) Ông bà của Minh / tuần sau / về quê thăm họ hàng.

.....

b) Thu và Chi / chủ nhật này / đi mua sắm ở chợ Bến Thành.

.....

c) Bác Tư / sáng mai / hướng dẫn Trang làm món nem.

.....

d) Hôm nay / chú Hùng / mời cả nhà đi ăn sáng.

.....

e) Tối nay / Kiên / rủ Tú đi xem phim.

.....

g) Tháng này / John / học thêm tiếng Việt.

.....

2. Đọc những dự định của Hương. Hỏi Hương định khi nào sẽ thực hiện những dự định đó.



M : Hương, bạn định khi nào (sẽ) học nấu ăn?

a)

b)

c)

d)

e)

g)

h)



3. Những việc dưới đây bạn nên hay không nên làm ? Đặt câu với **nên, không nên**.

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| a) hái hoa ở công viên | g) hút thuốc lá |
| b) đi học đúng giờ | h) đánh răng sau khi ăn |
| c) nói chuyện trong lớp. | i) tập thể dục hàng ngày |
| d) ăn nhiều đồ rán | k) thức đêm và ngủ ngày |
| e) ăn nhiều rau quả | |

M : a) hái hoa ở công viên → Bạn **không nên** hái hoa ở công viên.

b) đi học đúng giờ → Bạn **nên** đi học đúng giờ.

- c)
- d)
- e)
- g)
- h)
- i)
- k)

4. Dùng từ **nên** hoặc **cần**, đưa ra lời khuyên thích hợp trong các tình huống sau.

M : Quang hay dậy muộn.

→ Quang **nên** dậy sớm hơn.

a) Hà thường ăn rất nhanh.

.....

b) Thuỷ rất lười học môn toán.

.....

c) Minh đọc sách không rõ. Minh không đeo kính.

.....

d) Chi định đi chơi. Trời bắt đầu mưa.

.....

e) Ngày mai lớp tổ chức đi du lịch. Nhưng Thu bị ốm.

.....

g) Trang định đi chơi phố ở Hà Nội. Trang không thuộc đường.

.....

h) Lan chuẩn bị làm món nem nhưng ở nhà hết dầu rán.

.....

5. Em hãy đưa ra lời khuyên thích hợp cho các câu hỏi dưới đây :

a) – Đến chơi nhà người quen lần đầu mình nên mang theo quà gì ?

–

b) – Mình muốn mua một đôi giày thể thao, nên mua ở đâu ?

–

c) – Mình nên mua gì làm quà sinh nhật cho mẹ ?

–

d) – Mình muốn mua một bộ tách chén cho bố. Nên mua bộ bằng gốm Bát Tràng hay bằng pha-lê ?

–

e) – Đi Thành phố Hồ Chí Minh có cần mang theo áo rét không ?

–

g) – Muốn học tiếng Việt, có cần phải có từ điển tiếng Việt không ?

–

h) – Đi cắm trại 5 ngày cần mang theo những gì ?

–

6. Nếu em định về chơi Việt Nam, em cần chuẩn bị những gì? Hãy viết ra ít nhất 5 việc cần làm.

1)

2)

3)

4)

5)

7. Hãy viết ít nhất 5 việc em cần làm trong tuần này.

1)

2)

3)

4)

5)

8. Dựa vào tranh và từ ngữ đã cho, hỏi và trả lời theo mẫu.

a)



(Tâm – làm bánh gatô)

b)



(Hong – cắm hoa)

M : A : – Tâm **đã** làm **xong** bánh ga-tô **chưa** ?

B : – Tâm **đã** làm **xong rồi**.

A : –

B : –

c)



(Mai và Trang – dọn nhà)

A : –

B : –

d)



(Quân – vẽ tranh)

A : –

B : –

e)



(bà Bảy – may áo dài)

A : –

B : –

g)



(bác Hai – rửa xe)

A : –

B : –

h)



(ông Mười – sơn cửa)

A : –

B : –

i)



(bác Tư – trồng cây)

A : –

B : –

9. Điền vào chỗ trống cụm từ thích hợp (*bất cứ ai, bất cứ ngày nào, bất cứ nơi nào*) để hoàn thành câu:

a) bác Tư cũng dạy sớm tập thể dục.

b) Bạn có thể đến đó

c) cũng đều có thể tham gia vào câu lạc bộ này.

d) Bạn có thể gửi chìa khoá cho ở đó. Họ sẽ đưa lại cho mình.

9. Điền vào chỗ trống cụm từ thích hợp (*bất cứ ai, bất cứ ngày nào, bất cứ nơi nào*) để hoàn thành câu:

- a) bác Tư cũng dạy sớm tập thể dục.
 b) Bạn có thể đến đó
 c) cũng đều có thể tham gia vào câu lạc bộ này.
 d) Bạn có thể gửi chìa khoá cho ở đó. Họ sẽ đưa lại cho mình.
 e) Đến Việt Nam, bạn có thể thấy người đi xe đạp ở
 g) Anh ấy có thể sống ở
 h) mình cũng có thể giúp bạn được.
 i) Bạn có thể hỏi để có câu trả lời.

10. Đặt 3 câu với 3 cụm từ ở bài tập trên.

- a)
 b)
 c)

11. Nối từ ngữ ở cột A với những từ ngữ thích hợp ở cột B để tạo thành câu.

(Chú ý : Một dòng ở cột A có thể nối với nhiều dòng ở cột B)

A

a) Trong tà áo dài
b) Trong màu áo hồng
c) Trong bộ com-lê
d) Trong bộ thể thao
e) Trong bộ quần áo mới

B

1) Khôi trông như cao hơn
2) mẹ tôi trông trẻ hẳn ra.
3) bác Tư thật nhanh nhẹn, khoẻ mạnh
4) em Lê trông thật ngộ nghĩnh
5) em trai tôi lớn hẳn lên.

12. Đọc đoạn văn sau của một bạn gái 12 tuổi. Đánh dấu ☒ vào ☐ thích hợp kiểm tra thông tin đúng hay sai ? Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.

Mẹ em mới may một chiếc áo dài. Chiếc áo dài rất đẹp. Áo màu xanh. Cổ áo cao, vạt áo rộng và dài, ở giữa vạt trước có thêu một cành hoa mai màu trắng và màu vàng. Chiếc áo rất hợp với mẹ em. Mẹ mặc thử cho em xem. Trông mẹ thật trẻ và duyên dáng. Em đòi mặc thử áo mẹ. Nhưng trông em thật buồn cười. Em nghĩ áo dài chỉ hợp với người lớn và các chị học sinh trung học phổ thông. Nhưng mẹ bảo bất cứ ai cũng hợp với áo dài, chỉ cần may đúng kiểu hợp với mình. Em nghĩ sang năm em sẽ đi may một chiếc áo để mặc cùng mẹ vào dịp lễ tết.

ĐÚNG SAI

- a) Bạn gái này mới may một chiếc áo dài.
 b) Bạn đó không thích áo dài.
 c) Mẹ của bạn đó mặc áo dài rất đẹp.
 d) Mẹ của bạn đó nghĩ bạn đó không hợp với áo dài.
 e) Bạn đó định sang năm sẽ may một chiếc áo dài.
 g) Bạn đó định sẽ mặc áo dài đi học.

☐	☐
☐	☐
☐	☐
☐	☐
☐	☐
☐	☐

13. Đọc lại đoạn văn trên, trả lời câu hỏi :

a) Khi mặc áo dài, mẹ của bạn gái đó trông thế nào ?

.....
.....

b) Khi bạn gái đó mặc áo dài, trông bạn đó thế nào ?

.....
.....

c) Mẹ bạn gái nói gì với bạn ?

.....
.....

d) Bạn gái đó định khi nào sẽ may áo dài ?

.....
.....

14. Đọc và viết lại các từ sau :

– trang phục :

– tú thân :

– tơ tằm :

– tế nhị :

– kín đáo :

– dịu dàng :

– trẻ trung :

– mềm mại :

– duyên dáng :

– cải tiến :

– phong cách :

– kiểu dáng :

– màu sắc :

– dân tộc :

– truyền thống :

– tân thời :

– công sở :

– đền chùa :

15. Trả lời các câu hỏi sau :

a) Em thường đi may quần áo hay mua quần áo may sẵn ?

.....
.....

b) Ở nơi em ở có dịch vụ may đo lấy ngay không ?

.....
.....

c) Đánh dấu ☒ vào ☐ trước những dịch vụ có ở nơi em ở.

☐ May đo lấy ngay

☐ Giặt là quần áo giao tại nhà

☐ Cắt tóc

☐ Gội đầu

☐ Giao hàng tại nhà

☐ Giao sữa hàng ngày tại nhà

☐ Giao đồ ăn tại nhà

☐ Sửa chữa ti vi tại nhà

d) Viết thêm những dịch vụ khác có ở nơi em ở.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÀI 9

Thể thao

1. Nhìn tranh, hoàn thành câu :



a) Thắng vẽ rất đẹp. Thắng muốn trở thành



b) Thanh Lam hát rất hay. Thanh Lam ước mơ trở thành



d) Linh và Lê đang tập uốn dẻo. Hai bạn sẽ trở thành.....



d) Anh Duy đang học đại học y. Anh sẽ trở thành

e) Hồng Anh rất thích đá bóng. Hồng Anh mơ ước trở thành



2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý đúng.

a) Mùa thu, thời tiết trở nên ...

☐ mát mẻ

☐ lạnh

☐ nóng

b) Giờ ra chơi, các học sinh chơi đùa ở sân trường. Sân trường trở nên

☐ yên tĩnh

☐ sạch sẽ

☐ ồn ào

c) Bà Tâm bị ốm. Sau khi chữa bệnh, bà ấy trở nên ...

☐ thon thả

☐ khỏe mạnh

☐ nổi tiếng

d) Sau khi cho thêm đường vào nước quả, nước quả trở nên

☐ chua

☐ cay

☐ ngọt

e) Bộ phim chán quá. Khán giả trở nên ...

☐ vui vẻ

☐ hạnh phúc

☐ mệt mỏi



3. Điền **trở thành** hoặc **trở nên** vào chỗ thích hợp.

- a) Lê mơ ước nhà văn nổi tiếng.
- b) Sau khi nghe Sơn giải thích, Hoa thấy bài toán dễ hiểu hơn.
- c) Buổi chiều, đường phố tấp nập hơn.
- d) Anh Cường hy vọng nhà vô địch cờ vua thế giới.
- e) Sau ba tháng học tiếng Việt ở Việt Nam, Robert đã học sinh nói tiếng Việt giỏi nhất lớp.
- g) Khi cho thêm ớt, món xa-lát ngon hơn.

4. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Trong gia đình tôi, không ai biết lái ô tô, trừ bố.

→ Trong gia đình tôi, chỉ bố mới biết lái ô tô.

- a) Không ai biết sửa chữa điện, trừ bố

.....

- b) Không ai biết may quần áo, trừ mẹ

.....

- c) Không ai biết làm bánh, trừ bà.

.....

- d) Không ai biết vẽ tranh, trừ ông.

.....

- e) Không ai thích chơi búp bê, trừ em gái.

.....

- g) Không ai biết chơi bóng rổ, trừ tôi.

.....

5. Theo bạn, chỉ người nào mới có thể làm những công việc này ? Nhìn tranh và hoàn thành câu theo mẫu.



M : a) Chỉ lính cứu hoả mới biết chữa cháy.

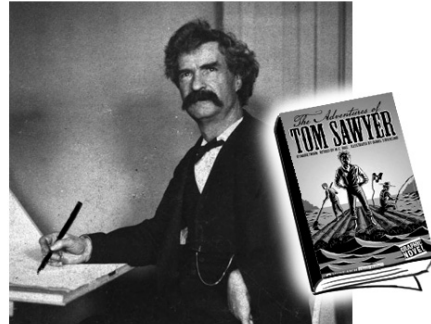
b) Chỉ phi công

.....



c)

d) Chỉ vận động viên leo núi



e)

g)

6. Điền **sắp** hoặc **sẽ** vào chỗ thích hợp.

- Các bạn vào lớp đi ! Cô giáo đến rồi.
- Ngày mai tôi đến ngân hàng gửi tiền.
- Chị ơi, có phim chưa?
– Mấy phút nữa em ạ.
- Trời sáng rồi mà bố vẫn chưa đi ngủ.
- Ba năm nữa anh Tiến trở thành kỹ sư.
- Mây đen nhiều quá. Có lẽ trời mưa.
- 15 phút nữa trận bóng đá kết thúc.

7. Đặt câu hỏi cho các tình huống sau, dùng **đã ... chưa** ? hoặc **sắp ... chưa** ?

- ?
– Tôi đi Đà Nẵng hai lần rồi.
- Chúng ta đã đi được 2 tiếng rồi. ?
– Một tiếng nữa mới đến nơi.
- ?
– Mấy hôm nay tôi bận quá nên chưa đến thư viện để trả sách được.
- Mẹ ơi con đói quá. ?
– Đợi chút nữa, con. CƠM sắp chín rồi.
- Máy tính của tôi bị hỏng ba ngày rồi.
– ?
– Tôi đã gọi rồi, nhưng họ vẫn chưa đến.

- g) – ?
 – Rồi ạ. Tuần sau cháu sẽ thi tốt nghiệp.
- h) – ?
 – Chưa, có lẽ hai năm nữa tôi mới học xong tiếng Việt.

8. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Tôi **không thể** mở email của người khác.

→ Tôi **làm sao** mở email của người khác được.



- a) Trời đang mưa to, Bình không thể đi ra ngoài mà không có áo mưa.

.....



- b) Cụ già 95 tuổi không thể lái ô tô với tốc độ 120 km / giờ.

.....



- c) Phương mới học võ Vovinam một tuần, Phương không thể thi đấu được.

.....



- d) Cầu thủ Huy Hùng bị gãy chân, Huy Hùng không thể ra sân được.

.....



- e) Dương bị đau răng, không thể ăn thịt gà được.

.....

9. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Lân thích bóng đá và bóng chuyền.

→ **Ngoài** bóng đá, Lân **còn** thích bóng chuyền nữa.

- a) Thu thích ăn phở và bún bò.

b) Trong phòng họp có các nhân viên và giám đốc.

c) Tuần này Hùng thi Toán và thi Văn.

d) Đội bóng đá của trường có học sinh và có cả các thầy giáo trẻ.

e) Lớp võ của Phương có nam sinh và có nhiều nữ sinh.

10. Dùng mẫu câu **Ngoài A còn B (nữa)** để viết về bản thân.

M : Viết về những điều mình thích.

Ngoài xem phim em **còn** thích xem xiếc, xem ca nhạc, xem ba-lê nữa.

Ngoài món phở, em **còn** thích món bún thang, bánh cuốn, chả cá nữa.

a) Viết về những điều mình không thích.

b) Viết về những môn thể thao mình hay xem.

c) Viết về những bộ phim mình thích.

d) Viết về những môn học mình không thích học.

e) Viết về những món ăn mình thường ăn.

g) Viết về những nơi mình hay đi chơi.

11. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Công ty Hoà Bình xây dựng khách sạn Hoa Sen.

Khách sạn Hoa Sen do công ty Hoà Bình xây dựng.

a) Nhà văn Đoàn Giỏi viết truyện "Đất rừng phương Nam".

b) Người Trung Quốc phát minh ra giấy.

c) Võ sư Nguyễn Lộc sáng lập Vovinam Việt võ đạo.

d) Người Ấn Độ sáng tạo ra yoga.

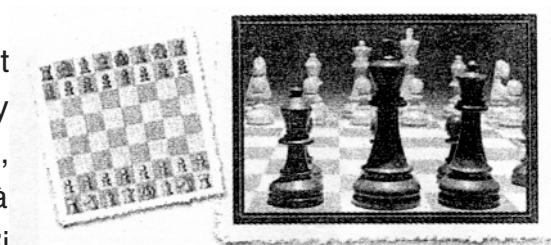
g) Người Nhật sáng tạo ra môn võ Kendo.

e) Người Việt Nam sáng tạo ra bánh chưng.

12. Đọc bài sau :

CỜ VUA

Cờ vua là một trò chơi trên bàn và là một môn thể thao cho hai người chơi. Trò chơi này diễn ra trên một bảng hình vuông, gọi là bàn cờ, gồm có 64 ô vuông với 32 quân cờ màu đen và màu trắng. Cờ vua không phải là một trò chơi may rủi. Nó là một môn thể thao trí tuệ, hơn nữa, còn là khoa học và nghệ thuật. Môn thể thao này rất khó; những người chơi giỏi nhất thế giới cũng không thể biết hết mọi đường đi của quân cờ.



Hàng triệu người trên thế giới chơi cờ vua để giải trí, để thi đấu trong các câu lạc bộ cờ vua. Ngoài ra, người ta còn chơi cờ vua trên internet.

Giải vô địch thế giới về cờ vua do Tổ chức Quốc tế về Cờ vua là FIDE tổ chức đã diễn ra hàng chục năm nay. Nhiều nước cũng có giải cờ vua riêng của nước mình. Hiện nay cờ vua không phải là một môn thể thao trong Thế vận hội Olympic, vì có Thế vận hội Olympic cờ vua riêng, tổ chức hai năm một lần.

Theo WIKIPEDIA

Kiểm tra thông tin đúng hay sai ? Đánh dấu ✓ vào ☐ thích hợp.

a) Cờ vua là môn thể thao rất khó, rất trí tuệ.

☐

b) Bàn cờ có 32 ô vuông và 64 quân cờ.

☐

c) Các quân cờ có đủ các màu sắc khác nhau.

☐

d) Giải vô địch thế giới về cờ vua do FIDE tổ chức đã diễn ra hàng chục năm nay.

☐

e) Cờ vua là một môn thể thao trong Thế vận hội Olympic.

☐

g) Có Thế vận hội Olympic cờ vua riêng, tổ chức hai năm một lần.

☐

13. Trả lời câu hỏi :

a) Vì sao nói "Cờ vua là môn thể thao trên bàn" ?

.....

.....

b) Vì sao nói "Cờ vua là một môn thể thao trí tuệ, hơn nữa, còn là khoa học và nghệ thuật" ?

.....

.....

c) Vì sao cờ vua không phải là môn thể thao trong Thế vận hội Olympic ?

.....

.....

BÀI 10

Nghệ thuật

1. Viết tên môn nghệ thuật dưới mỗi tranh.



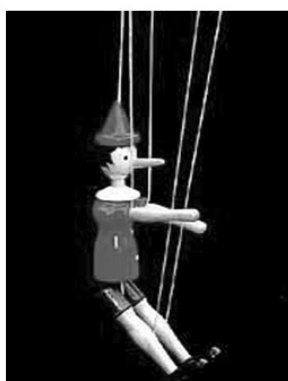
a) M : hội hoạ



b)



c)



d)



e)



g)

2. Viết thêm các từ ngữ cho dưới đây vào đúng nhóm :

nhạc sĩ, nhớ, hát chèo, tức giận, vở kịch, nghệ sĩ, hát tuồng, thích, tranh lụa, diễn viên, xúc động, nhà thơ, hát cải lương, sợ hãi, múa, tranh Đông Hồ, nhà văn, múa ba-lê, uốn dẻo, đánh đàn, kính yêu, múa rối nước, chiếu phim, hâm mộ, biểu diễn xiếc, bài thơ, sáng tác nhạc, bài hát, bản nhạc, khán giả, truyện, bài dân ca

a) vui, buồn,
.....
.....



b) ca sĩ, danh hoạ,

.....

c) hát, diễn kịch,

.....

d) kịch bản, tranh sơn mài,

.....

3. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B.

A

a) dân ca
b) sáng tác
c) danh hoạ
d) năng khiếu
e) hâm mộ

B

1) hoạ sĩ nổi tiếng
2) rất thích, kính trọng và quý mến
3) làm ra tác phẩm văn chương, nghệ thuật
4) bài hát dân gian, thường không rõ tác giả
5) những phẩm chất quý vốn có giúp con người hoàn thành tốt công việc

4. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Linh buồn ngủ vì vở kịch rất chán.

→ Vở kịch rất chán khiến (cho) / làm (cho) Linh buồn ngủ.

a) Bé Bông bị cảm vì trời quá lạnh.

.....

b) Hoa rất buồn vì sức khoẻ của mẹ ngày càng yếu.

.....

c) Mọi người rất lo vì bão sắp về.

.....

d) Thỏ mẹ rất vui vì đàn con ngoan ngoãn.

.....
.....

e) Thím Nhung đang ốm cũng cảm thấy muốn ăn vì bát phở trông ngon quá.

.....
.....

5. Sắp xếp các từ ngữ dưới đây thành câu theo mẫu.

M : tuyệt đẹp / điệu múa / Linh / rất / khiến (cho) / thích thú.

→ Điệu múa tuyệt đẹp khiến (cho) Linh rất thích thú.

a) Bi / làm cho / diễn kịch / Tôm / và / rất hay / thích thú / cả lớp

.....
.....

b) rất / bài hát / làm cho / tình cảm / xúc động / mọi người / đều

.....
.....

c) đều / học kém / hai đứa con / cảm thấy / làm cho / buồn / bố mẹ / rất

.....
.....

d) cười nói / mấy đứa cháu / rất to / cảm thấy / khiến / đau đầu / ông bà

.....
.....

e) đang bực mình / kể chuyện / cũng / buồn cười / Tuấn / khiến / mẹ / vui

.....
.....

6. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Hoa thân với Hà. Hoa nghĩ Hà là bạn gái ngoan và xinh nhất trường.

→ Hoa coi Hà là bạn gái ngoan và xinh nhất trường mình.

a) John rất thích xem chèo. Anh nghĩ chèo là môn nghệ thuật dân gian thú vị nhất.

.....
.....

b) Bác Đạm là nghệ sĩ múa rối nước. Bác nghĩ múa rối nước là môn nghệ thuật dân gian vui nhất.

.....
.....

c) Tôm rất thích chơi games. Tôm nghĩ games là trò chơi hấp dẫn nhất.

.....
.....

d) Hùng ốm, phải ăn cháo cả tuần. Hùng nghĩ cháo là món ăn chán nhất.

e) Lân đã đi thăm nhiều nơi. Lân nghĩ Đà Lạt là nơi có phong cảnh đẹp và khí hậu dễ chịu nhất.

7. Trả lời câu hỏi :

Theo em ...

a) Bộ phim nào được khán giả cho là thú vị nhất trong tháng ?

b) Quyển sách nào được bạn đọc cho là hay nhất trong năm ?

c) Món ăn nào được gia đình em xem là ngon nhất ?

d) Con vật nào được trẻ em coi là thân thiết nhất ?

e) Bệnh nào được y học coi là đáng sợ nhất hiện nay ?

8. Đặt câu hỏi theo mẫu.

M : Cô giáo cử Hà làm đội trưởng đội kịch.

→ Cô giáo cử ai làm đội trưởng đội kịch ?

a) Hội thi chọn Linh là học sinh duyên dáng nhất.

b) Các bác sĩ, y tá bầu bác sĩ Thu Huệ làm giám đốc bệnh viện.

c) Các cầu thủ nhỏ bầu chọn Thế Anh là cầu thủ xuất sắc nhất của trường.

d) Các con vật trong rừng cử Thỏ Trắng đi nói chuyện với Hổ.

9. Chuyển các câu ở bài 8 theo mẫu.

M : Cô giáo cử Hà làm đội trưởng đội kịch.

→ Hà được cô giáo cử làm đội trưởng đội kịch.

a) Hội thi chọn Linh là học sinh duyên dáng nhất.

b) Các bác sĩ, y tá bầu bác sĩ Thu Huệ làm giám đốc bệnh viện.

c) Các cầu thủ nhỏ bầu chọn Thế Anh là cầu thủ xuất sắc nhất của trường.

.....

d) Các con vật trong rừng cử Thỏ Trắng đi nói chuyện với Hổ.

.....

10. Đọc và trả lời câu hỏi :

Charles Chaplin (Sác-lô Sa-plin) là một nghệ sĩ lớn. Ông được coi là ông vua của nghệ thuật hài trên sân khấu và phim ảnh thế giới. Ông sinh ngày 16-4-1889, tại Luân Đôn, thủ đô nước Anh. Bố mẹ ông đều là diễn viên hài kịch. Nhờ mẹ, từ nhỏ, Charles đã được giáo dục tình yêu nghệ thuật biểu diễn. Lần đầu tiên Charles biểu diễn trên sân khấu là lúc ông 5 tuổi.

Nhiều bộ phim hài của Charles Chaplin đều do ông sáng tác kịch bản, dựng phim và đóng vai chính. Đó là các bộ phim được đánh giá là rất nhân ái, sâu sắc, thú vị, sẽ sống mãi với thời gian.



a) Charles Chaplin sinh ngày, tháng, năm nào ?

.....

b) Charles Chaplin sinh ở đâu ?

.....

c) Bố mẹ ông làm nghề gì ?

.....

d) Ai đã giáo dục cho Charles tình yêu nghệ thuật biểu diễn ?

.....

e) Charles bắt đầu biểu diễn từ lúc ông bao nhiêu tuổi ?

.....

g) Các bộ phim của Charles được đánh giá như thế nào ?

.....

.....

h) Charles được đánh giá như thế nào ?

.....

.....

11. Điền từ trong ngoặc đơn vào chỗ trống thích hợp :

(ngạc nhiên, dễ nhất, cái gì, nhìn thấy, vẽ, tranh, vì sao, xuất hiện)

VẼ GÌ DỄ ?

Một họa sĩ vẽ (1) cho một ông vua. Vua hỏi :

– Theo người thì (2) cái gì khó nhất ?

– Thừa đức vua, vẽ chó, ngựa là khó nhất.

– Vậy vẽ (3) là dễ nhất ?

– Thừa, vẽ ma quỷ là (4)

– (5) lại như vậy ? – Vua (6)

– Thừa đức vua, bởi vì chó, ngựa ngày ngày (7) trước mặt mọi người, ai cũng biết chúng nên vẽ không dễ. Còn ma quỷ thì chưa ai (8) chúng bao giờ nên vẽ rất dễ.

12. Sửa lại cho đúng những từ viết sai chính tả :

Khấn giả đã bầu chọn Phương Linh là người hát dân ca hay nhất. Cô là một ca sĩ có năng khiếu, đồng thời là người có khả năng sáng tác. Trả lời phỏng vấn của phóng viên truyền hình, ngôi sao ca nhạc này tỏ ra rất xúc động. Cô cảm ơn khấn giả và cảm ơn người thầy của mình là nghệ sĩ Kiều Dung.

13. Viết 7 đến 10 câu về một môn nghệ thuật mà em yêu thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

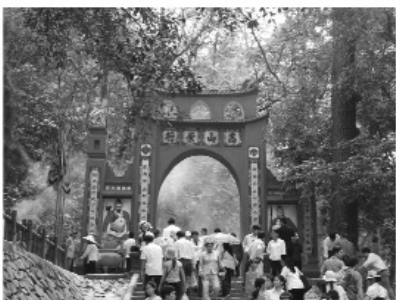
.....

.....

.....



1. Xem tranh và viết tên lễ hội.



10-3 Âm lịch.

a)



15-8 Âm lịch.

b)



20-11

c)



25-12

d)

2. Dựa vào tranh ở bài tập 1, điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các hội thoại sau :

- a) – Sáng mai hai chị em mình đi lễ hội (1)
 – Ngày mai là lễ chính rồi phải không chị ?
 – Ủ, mai là ngày mồng (2)
 – Đến đó, mình sẽ làm gì hả chị?
 – Mình sẽ dâng hương và dự lễ hội.
- b) – Tối nay lớp của bé Bông tổ chức (1)
 – Con đã chuẩn bị cho em chưa?
 – Dạ, rồi. Con đã chuẩn bị cho bé Bông một chiếc đèn cá chép rất đẹp.
 – Tối nay, mẹ và con sẽ đưa bé Bông đến lớp.



- Sau đó nhà mình sẽ tổ chức đón Tết (2), mẹ nhé.
- c) – Chị Loan mang hoa đi đâu thế ?
 - Chị ấy mang hoa đi (1)
 - Hôm nay là ngày gì mà tặng hoa ?
 - Hôm nay là ngày (2)
- d) – Thành phố của các bạn có tổ chức (1) không ?
 - Có chứ. Một lát nữa, anh sẽ thấy ngoài đường rất đông người và xe.
 - Mọi người đi đâu vậy ?
 - Họ đi đến (2) hoặc đến trung tâm thành phố.
 - Thế thì tối nay tôi sẽ đi chơi cùng các bạn.

3. Đặt câu có từ ngữ cho dưới đây theo mẫu.

(cây bút máy, chiếc nón Huế, quyển sách dạy nấu ăn,
vé du lịch Nha Trang, vé xem kịch)

M : Nam tặng một bó hoa hồng cho Tú.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)

4. Chuyển đổi các câu ở bài tập 3 theo mẫu.

M : Nam tặng một bó hoa hồng cho Tú.

→ Nam tặng (cho) Tú một bó hoa hồng.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)

5. Đặt câu có từ ngữ cho dưới đây theo mẫu.

(hát tặng, mua tặng, làm tặng, vẽ tặng, viết tặng)

M : Chị Tâm **may tặng** Lan một bộ áo dài.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)

6. Chuyển đổi các câu ở bài tập 5 theo mẫu.

M : Chị Tâm **may tặng** Lan một bộ áo dài.

→ Chị Tâm **may** một bộ áo dài **tặng** Lan.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)

7. Dựa vào tình huống đã cho, viết câu theo mẫu.

M : Chị ơi, chị **dẫn / đưa** em đi ăn kem nhé.

a) Sơn muốn đi thăm bà. Em nói với mẹ :

—

b) Tuấn muốn đi xem bóng đá nhưng chưa biết đường. Cậu nói với anh trai :

—

c) Hạnh muốn giúp một bà cụ xuống xe buýt, cô nói với bà cụ :

—

d) Chị Hồng giới thiệu cho chị Loan một căn nhà để thuê. Chị Loan muốn đến xem căn nhà ấy. Chị nói với chị Hồng :

—

e) Chị Loan đến căn nhà chị định thuê. Chị muốn đi xem các phòng trong nhà. Chị nói với bác chủ nhà :

—

8. Dùng từ ngữ ở hai cột A và B để đặt câu có **làm cho.**

M : Nam học giỏi **làm cho** bố mẹ rất vui lòng.

A

a) Nam học giỏi
b) vở kịch rất xúc động
c) Các nhân viên bán hàng không khéo
d) Tin cơn bão đến
e) Cậu học sinh lười học
g) Chương trình ca nhạc dở

B

1) cô giáo rất buồn
2) khách hàng rất giận
3) mọi người dân đều lo
4) bố mẹ rất vui lòng
5) khán giả rất chán
6) người xem rơi nước mắt

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)
- g)

9. Sắp xếp các từ ngữ dưới đây thành câu.

a) giúp / cái đồng hồ / đã / này / đi học / Nam / đúng giờ

b) dạy / món ăn / Hàn Quốc / tôi / nấu / chị Kim

c) khiến cho / thời tiết / khó chịu / mọi người / hôm nay

d) ngập nước / đường / mưa / làm cho

e) Bi / dạy / anh Long / toán / làm

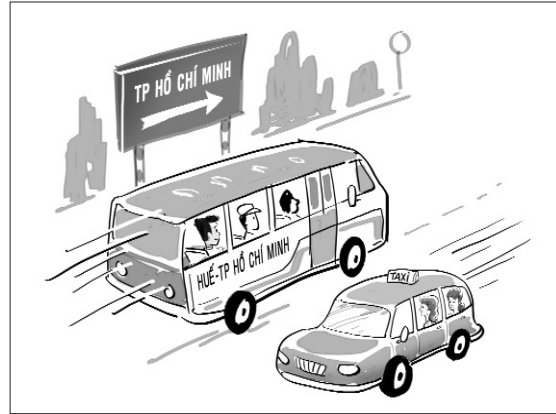
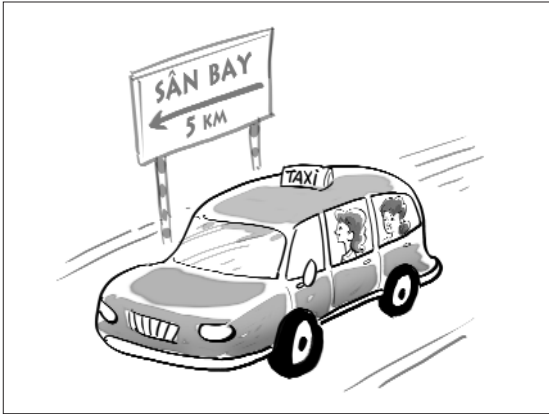
10. Nhìn tranh, viết câu có dùng **đưa ... lên / xuống / ra / vào** theo mẫu.

M : Nam **đưa** bà **lên** lầu.



a) hướng dẫn viên / du khách / tàu

b) Nam / cụ già / xe



c) chị Diệu Lý / em gái / sân bay

.....

d) chiếc xe đồ / Hùng / TP Hồ Chí Minh

.....

11. Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu có từ **mãi**.

M : Báo hôm nay có nhiều tin mới nên chị ấy cứ **đọc mãi**.

- a) Chiếc áo đẹp quá nên bé Mai
- b) Chương trình ti vi tối nay rất hay nên Tâm và Hạnh cứ
- c) Đã khuya rồi mà hai chị em chưa ngủ. Chúng cứ
- d) Hồ bơi hôm nay sạch và vắng người nên Thanh cứ
- e) Giám đốc đến họp muộn, mọi người

12. Thay thế từ ngữ được gạch dưới trong câu bằng từ **mãi**.

M : Nó cứ nói liên tục, không dứt về chuyện đó.

→ Nó cứ nói **mãi** về chuyện đó.

- a) Hà kể rất nhiều lần về người bạn mới của Hà.

.....
 b) Tâm đã tìm cuốn sách từ sáng đến giờ mà không tìm ra.

.....
 c) Mình sẽ nhớ bạn luôn luôn và mong có ngày gặp lại.

- d) Câu chuyện vui quá làm cho Hà cười không dứt được.

.....

13. Đọc bài sau và trả lời câu hỏi :

NGÀY HỘI CỦA NHỮNG NGƯỜI THÍCH ĐÙA

Ở các nước Âu - Mỹ, 1 tháng Tư là ngày hội của những người thích đùa, còn được gọi là Ngày Cá tháng Tư. Vào ngày đó, mọi người có thể nói dối với mục đích vui đùa.

Nhiều người cho rằng ngày hội này có nguồn gốc từ nước Pháp. Năm 1564, vua nước Pháp quyết định xem ngày 1 tháng 1 là ngày đầu năm mới thay vì ngày 1 tháng 4 như trước đó. Tuy nhiên, do phương tiện liên lạc chậm nên một số người không biết tin đổi lịch. Họ vẫn tổ chức đón mừng năm mới vào ngày 1 tháng 4. Họ bị những người khác trêu đùa, nói dối mà họ vẫn tin. Mọi người gọi họ là “Cá tháng Tư”.

Ở Việt Nam, khoảng 10 năm trở lại đây, Ngày Cá tháng Tư cũng đã được chấp nhận và trở thành một ngày vui đùa thú vị của mọi người.

a) Ở các nước Âu - Mỹ, Ngày 1 tháng Tư là ngày gì ?

.....

.....

b) Ngày hội này có nguồn gốc từ nước nào ?

.....

c) Tại sao ngày hội này có tên như vậy ?

.....

.....

.....

.....

d) Ở Việt Nam có ngày hội này không ?

.....

.....



1. Sắp xếp các từ ngữ thành câu.

- Việt Nam / cao / ngọn núi / là / ở / Phan-xi-păng / nhất
- sương mù / Sa Pa / bao phủ / có / thường
- đến / để / người / nhiều / Cổng Trời / núi / đỉnh / Phan-xi-păng / ngắm
- Sa Pa / tối / nhộn nhịp / thứ bảy / vào / chợ
- hoa lan / là / loại / Hàm Rồng / nơi / nhiều / trồng
- trong / một / Hội An / là / những / Đông Nam Á / cổ nhất / đô thị / ở

2. Dùng các từ ngữ ở cột A và cột B để đặt câu theo mẫu.

M : Đà Lạt **được gọi** là thành phố mùa xuân.

A

B

a) Sa Pa
b) Cầu thủ Pele
c) Lễ hội hoa ở Đà Lạt
d) Paris
e) Charles Chaplin
g) Đỉnh núi cao nhất

1) Festival Hoa Đà Lạt
2) Cổng Trời
3) thủ đô của ánh sáng
4) ông vua bóng đá
5) thành phố trong sương
6) ông vua hài kịch

-
-
-
-
-
-



3. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn hội thoại.

(thông, trung tâm, tua du lịch, Festival, truyền thống, thác, tuyệt vời, thung lũng, hồ, toàn cảnh, đặt tua)

- Fiditour xin nghe.
- Chào anh. Tôi muốn hỏi về (1) Đà Lạt.
- Chào chị. Công ty chúng tôi có hai chương trình du lịch Đà Lạt: tua 4 ngày 3 đêm và tua 3 ngày 2 đêm.
- Tôi chọn tua 4 ngày 3 đêm.
- Chị chọn hay quá ! Tua này hấp dẫn lắm chị ạ.
- Nghe anh nói tôi đã thấy hấp dẫn rồi. Tua này đi những đâu ?
- Tua này đi khu du lịch (2) Tuyền Lâm, (3) Prenn và (4) Vàng. Những nơi này có phong cảnh thiên nhiên rất đẹp, đặc biệt là những đồi (5)
- Chúng tôi có được đến Vườn hoa Đà Lạt không ?
- Tất nhiên là có rồi. Hoa Đà Lạt mùa này đẹp (6) chị ạ.
- Tiếc quá ! Năm nay Đà Lạt không có tổ chức (7) Hoa.
- Nhưng chị sẽ được lên đỉnh Lang Biang để nhìn (8) Đà Lạt, thăm các làng dân tộc, xem chương trình ca nhạc (9) của các dân tộc ở đây.
- Còn chỗ ở thế nào ?
- Đoàn chị sẽ ở một khách sạn ngay (10) thành phố Đà Lạt.
- Tôi (11) này. Sáng mai tôi đến công ti nhé.
- Vàng. Cám ơn chị.

4. Dùng những từ ngữ đã cho, đặt câu có **thì ... thì ...** .

M : Hồng **thì** muốn đi du lịch Nha Trang, Thủy **thì** muốn đi du lịch Đà Lạt.

a) vẽ tranh / chơi búp bê

.....

b) thích chụp ảnh phong cảnh / thích chụp ảnh những người đi tham quan

.....

.....

c) đi bộ xung quanh hồ / ngồi hóng mát trên bờ hồ

.....

.....

d) đi dạo công viên một mình / đi dạo công viên cùng bạn bè

.....

.....

e) xem kịch / xem xiếc

5. Thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu theo mẫu (như ở bài tập 4) :

- a) Hà thì thích thời trang, Hồng thì
b) Hùng thì nói được tiếng Anh, Hoàng thì
c) Một số du khách thì vào nhà hàng sang trọng, một số khác thì
d) Bác Thành thì thích sống ở nông thôn, chú Hải thì
e) Thành phố Huế thì nằm hai bên bờ sông Hương, thị xã Hội An thì

6. Dùng từ trái nghĩa với từ in đậm, đặt câu theo mẫu.

M : Căn phòng này (thì) rất **sáng** còn căn phòng kia (thì) rất tối.

- a) Cái túi xách này (thì) **nặng** còn
b) Loại vải này (thì) **đẹp** còn
c) Cái đồng hồ dây vàng (thì) **đắt** còn cái đồng hồ dây da thì
d) Đội bóng của Nam (thì) **thắng** còn đội bóng của Việt thì
e) Quán phở này mọi ngày (thì) **đông**, riêng hôm nay thì

7. Ghép câu ở cột A với câu ở cột B thành một hội thoại.

A

a) – Con đi đón em đi. Lớp học của em kết thúc lúc 4 giờ đấy.
b) – Em Tiến bị đau chân đấy.
c) – Em sắp xếp sách vở trên bàn đi. Chị thấy bề bộn quá !
d) – Trời rét quá ! Em phải mặc thêm áo ấm đấy nhé.
e) – Lúc nãy thằng bé uống cả ly nước đấy.

B

1) – Hôm nay trời nóng quá mà.
2) – Em mới sắp xếp lại rồi mà.
3) – Hôm nay bố đón em mà.
4) – Em mới mặc thêm áo ấm rồi mà.
5) – Hôm qua em bị ngã mà.

8. Viết câu trả lời có dùng từ **mà** theo mẫu.

M : – Con làm cho xong bài tập toán đi nhé.

– Con làm xong rồi **mà**.

a) – Hè này nhà mình đi nghỉ mát ở Nha Trang nhé.

–

b) – Con nhớ mang theo áo mưa nhé. Trời sắp mưa đấy.

–

c) – Tối nay Hoa có vẻ buồn.

–

d) – Em thay áo khác đi. Áo này bẩn quá !

–

e) – Kỳ thi này kết quả các môn học của Nam không tốt.

–

g) – Ôi, em đói bụng quá !

–

9. Dùng những từ ngữ đã cho đặt câu có từ **tới** để nhấn mạnh về số lượng.

M : Lớp học này / có / 50 học sinh

Lớp học này có **tới** 50 học sinh.

a) Toà nhà cao nhất Thành phố Hồ Chí Minh / có / 33 tầng

b) Cái áo khoác này / giá / 2 triệu đồng

c) Cuốn từ điển Anh – Việt này / dày / 1800 trang

d) Nhà hát này / chứa / 600 người

e) Cầu thủ này / cao / 1m95

g) Đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Hà Nội bằng tàu hoả / mất / 30 giờ

10. Dùng **bao nhiêu là** thay cho **rất nhiều, nhiều lắm** trong câu.

M : Trên bàn có **rất nhiều** tranh ảnh về Đền Hùng.

Trên bàn có **bao nhiêu là** tranh ảnh về Đền Hùng.

a) Trong phòng của bé Bông có rất nhiều đồ chơi trẻ em.

b) Công ty Du lịch Vietravel có nhiều tua du lịch hấp dẫn

c) Trong tủ sách của Nam có rất nhiều truyện cổ tích Việt Nam.

d) Các cửa hàng ở phố cổ Hội An treo rất nhiều đèn lồng.

.....

e) Trong sân nhà của bác Phúc có rất nhiều cây cảnh.

.....

11. Dựa vào tranh, hoàn thành câu có dùng cụm từ **bao nhiêu là**.



a) Hằng ngày, cô tiếp tân khách sạn nhận được

.....



b) Mỗi ngày anh thợ chụp ảnh chụp

..... cho du khách.



c) Đàn hươu ăn

.....



d) Hằng ngày, nhà hàng này đón

.....

12. Đọc và trả lời câu hỏi :

DU LỊCH MŨI NÉ

Mũi Né là một điểm du lịch nổi tiếng ở Bình Thuận, một tỉnh miền Nam Trung Bộ. Điểm du lịch này cách trung tâm thành phố Phan Thiết 22km về hướng Đông Bắc.

Biển Mũi Né nước sạch và trong, nắng ấm quanh năm, thường không có bão. Đến Mũi Né, du khách có thể tắm biển, chơi thể thao, bơi thuyền, câu cá, chơi golf ...

Ở Mũi Né, còn có Đồi Cát, nơi từ bao nhiêu năm nay đã trở thành đề tài của nhiều nghệ sĩ ảnh. Ngoài các bãi biển và đồi cát, Mũi Né còn có nhiều cảnh đẹp

như Suối Tiên, Lầu Ông Hoàng,... Dọc bãi cát ven biển là các làng du lịch, các khách sạn, biệt thự và nhiều công trình thể thao, văn hoá.

a) Mũi Né ở tỉnh nào ?

.....

.....

b) Mũi Né cách trung tâm thành phố Phan Thiết bao xa ?

.....

.....

c) Biển ở Mũi Né thế nào ?

.....

.....

d) Du khách có thể tham gia những hoạt động gì khi đến Mũi Né ?

.....

.....

e) Kể một số cảnh đẹp ở Mũi Né.

.....

.....

13. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

trung tâm, dòng nước, di tích, cao, nằm, cửa ngõ, quốc lộ

Thác Prenn và đèo Prenn (1) gần thác Datanla (Đa-tan-la), trên (2) 20. Đây là (3) vào Đà Lạt vì muốn vào thành phố phải qua đèo này và thác nằm ở dốc lên đèo về phía phải. Thác Prenn cách quốc lộ khoảng 100 mét, cách (4) Đà Lạt khoảng 12 km. Thác (5) 13 mét. Dưới chân thác có một chiếc cầu ẩn dưới (6) chảy trắng xoá.

Thác Prenn đã được công nhận là (7) lịch sử, văn hoá quốc gia năm 2000.

14. Viết một đoạn hội thoại (khoảng 10 dòng) ghi lại cuộc trò chuyện giữa em và bạn em về chuyến du lịch mới đây của em.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



BÀI 1. GIA ĐÌNH

1. Viết thêm các từ đã cho vào đúng nhóm
 - a) gia đình, dòng họ, họ hàng, tổ tiên
 - b) bố, mẹ, con dâu, ông, bà, cha, ba, má, con rể, chú, bác, anh, chị, em, cậu, cô, dì, mợ, thím
 - c) kế toán, bác sĩ, giáo viên, y tá, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, nhà chính trị, nghệ sĩ, nhạc sĩ, diễn viên
 - d) giỗ, tết, lễ hội, hội hè, sinh nhật
 - e) đĩa, gói, bát, thìa, đĩa, chần, giấy, giày, giầy, gương, giường, đồng hồ
2. Viết đầy đủ họ và tên 5 người thân trong gia đình em (theo thứ tự abc của tên) vào bảng.
Đáp án mở.
3. Viết dưới mỗi tranh một từ ngữ chỉ công việc mà nhân vật đã làm
tranh 1 : gọi điện ; tranh 2 : ăn cơm ; tranh 3 : chải tóc ; tranh 4 : nghe nhạc ; tranh 5 : giặt quần áo ; tranh 6 : trồng cây ; tranh 7 : rửa bát đĩa ; tranh 8 : rửa xe ô tô ; tranh 9 : nấu cơm ; tranh 10 : mua bánh mì ; tranh 11 : lau nhà ; tranh 12 : đánh cờ
4. Dựa vào tranh minh hoạ ở bài 3 và những từ ngữ đã biết, viết khoảng 10 đến 12 từ ngữ chỉ công việc trong nhà. Sau đó so sánh với bạn để bổ sung những từ em chưa biết.
Ví dụ : rửa bát đĩa, nấu cơm, giặt quần áo, trồng cây, rửa xe ô tô, mua bánh mì, lau nhà, rửa rau, rửa ấm chén, rửa xe đạp, trồng em, sơn cửa, mua báo, đi chợ, đi siêu thị, mua rau, mua thịt, mua bánh mì,...
5. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh câu
 - a) (1) đĩa ; (2) đĩa / cậu ; (3) đĩa / cậu ; (4) bà ; (5) Bà ; (6) đĩa
 - b) (1) Dì ; (2) đĩa ; (3) đĩa ; (4) bác ; (5) anh ; (6) anh ; (7) anh
 - c) (1) người ; (2) người ; (3) ông ; (4) người ; (5) người ; (6) cậu ; (7) Cậu ; (8) ông
6. Điền từ thích hợp vào chỗ trống
 - a) (1) cậu / chú / đĩa (bé) ; (2) bác ; (3) bác
 - b) (1) cậu bé / chú bé / đĩa bé ; (2) chú ; (3) chú ; (4) chú ; (5) cháu / đĩa
 - c) (1) Cô ; (2) cháu ; (3) cháu
 - d) (1) cậu bé / chú bé / đĩa bé ; (2) ông cụ ; (3) ông ; (4) ông cụ ; (5) cháu
7. Chuyển đổi câu
 - a) Thấy mèo con xinh quá, Bông nín khóc ngay.
 - b) Thấy chiếc bánh mì thơm quá, Tôm ăn ngay, quên cả mời mẹ.
 - c) Chỉ cho Bi truyện tranh Doremon (Đô-rê-mon), Sơn hỏi : “Em có thích không ?”
 - d) Đọc bản nhạc cậu con trai 6 tuổi sáng tác, cha Mozart vui mừng nói : “Con sẽ trở thành một nhạc sĩ tài năng”.
8. Chuyển đổi câu
 - a) Cả nhà nghe Bi hát, rất thích thú.
 - b) Bông bước ra giữa nhà, bắt đầu hát múa rất tự nhiên.
 - c) Sơn ngắm chú voi trong công viên, rất ngạc nhiên vì nó to lớn quá.
 - d) Người Việt Nam cho là “Sống gửi thác về”, rất quan tâm đến ngày giỗ.
9. Đọc và viết lại đúng các từ đã cho.
10. Điền dấu thanh cho đúng
Bé vẽ ngựa *chẳng* ra *hình* con ngựa. Thế mà bé *kể* với chị :
– Chị ơi, bà chưa trông thấy con ngựa bao giờ đâu !
– Sao em *ngĩ* thế ? – Chị hỏi.
– *Sáng* nay, em vẽ *một* bức tranh con ngựa đưa cho bà xem, bà lại hỏi : “*Cháu* vẽ con *gì* thế ?”
11. Viết 5, 7 câu về một người trong gia đình hoặc họ hàng mà em thích. Đáp án mở.
12. Dựa theo cây dòng họ của gia đình Phương, vẽ cây dòng họ của gia đình em. Đáp án

mở.

BÀI 2. TRƯỜNG HỌC

1. Viết thêm các từ đã cho vào đúng nhóm

- a) trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học, dạy nghề
- b) Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Sinh học, Vật lí, Hoá học, Vẽ, Âm nhạc
- c) thầy giáo, học sinh, học trò, sinh viên, giáo viên, cô giáo, tiến sĩ
- d) sách, bút, vở, mực, giấy, truyện, bảng

2. Viết 12 từ chỉ đồ dùng của em. Sau đó so sánh với bạn để bổ sung những từ em chưa biết.

Ví dụ : áo, giày, quần dài, quần soóc, quần bò, bộ thể thao, áo sơ-mi, áo phông, áo len, áo khoác, váy, khăn mặt, khăn len, tất, găng tay, túi, mũ, sách, vở, từ điển, bút, cặp sách, kính, ca vát, đồng hồ,...

3. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp

- a) **cái / chiếc** khăn quàng ; b) **tấm** ảnh ; c) **cái** miệng ; d) **cái / chiếc** quạt máy ; e) **quả** chuối ; g) **cái / chiếc** máy vi tính ; h) **bức** tường ; i) **cuốn / quyển** truyện ; k) **cái / tấm** bưu thiếp ; l) **cuốn / quyển** Tiếng Việt Vui ; m) **quả** bưởi ; n) **bức** tranh

4. Dựa vào kết quả ở bài 3, đánh dấu (+) vào ô trống thích hợp trong bảng

	CÁI	CHIẾC	BÚC	TẤM	CUỐN / QUYỂN	QUẢ
M : khăn quàng	+	+				
ảnh			+	+		
miệng	+					
quạt máy	+	+				
chuối						+
máy vi tính	+	+				
tường			+			
truyện					+	
bưu thiếp	+			+		
Tiếng Việt Vui					+	
bưởi						+
tranh			+			

5. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp

- (1) cái / chiếc ; (2) cuốn / quyển ; (3) quyển ; (4) cuốn / quyển ; (5) bức ; (6) cái ; (7) cái / chiếc ; (8) quả ; (9) cái / chiếc ; (10) cái ; (11) chiếc ; (12) quả

6. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp

- (1) cô giáo ; (2) để ; (3) Em ; (4) viết ; (5) rửa ; (6) chiếc ; (7) học ; (8) ngắn ; (9) kết thúc ; (10) điểm

7. Đọc lại bài văn Bài tập làm văn, trả lời câu hỏi

- a) Cô giáo ra cho lớp đề văn : “Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ ?”
- b) Cô-li-a thấy bài văn khó viết vì ở nhà, mẹ Cô-li-a làm mọi việc.
- c) Khi mẹ bảo Cô-li-a đi giặt quần áo, lúc đầu, Cô-li-a ngạc nhiên vì bạn chưa bao giờ giặt quần áo. Sau đó, bạn vui vẻ làm vì đó là việc làm bạn đã viết trong bài văn của mình.

- 8.** Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B
a – 2 ; b – 4 ; c – 1, 2 ; d – 3 (hoặc 2, 1)
- 9.** Điền từ ngữ thích hợp vào trước và sau những từ ngữ cho sẵn dưới mỗi tranh.
a) một cô bé đội nón trắng ; b) những chú chim nhỏ trên cây ; c) những cầu thủ áo đen, áo trắng ; d) những con voi to lớn
- 10.** Sắp xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn theo thứ tự hợp lí để hoàn chỉnh đoạn hội thoại
a) – Đây là sách Tin học – một môn học mới của lớp mình.
b) – Những quyển sách màu xanh đặt trên bàn kia là sách Tiếng Anh đúng không ?
c) – Không. Đó là sách Vật lí – một môn học khó ở trung học.
d) – Tất cả học sinh lớp ta đều học Tin học và Tiếng Anh à ?
e) – Không. Tin học và Tiếng Anh là những môn học tự chọn theo sở thích.
- 11.** Đặt câu với các từ đã cho. Đáp án mở.
- 12.** Đặt câu với các từ đã cho. Đáp án mở.
- 13.** Sửa lại cho đúng những từ viết sai chính tả
giáo dục, sáng chế, văn chương, tương lai, đôi cánh, hạnh phúc, mặt trăng, bút mực, xé nát, kho báu, khu vườn, kì diệu, bí mật, vương quốc
- 14.** Viết một đoạn văn khoảng 5, 7 câu kể về việc học của em ở trường. Đáp án mở.

BÀI 3. CỘNG ĐỒNG

- 1.** Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B
a – 4 ; b – 5 ; c – 1 ; d – 3 ; e – 2
- 2.** Viết thêm những từ ngữ em biết vào mỗi cột. Sau đó trao đổi cùng bạn để bổ sung những từ em chưa biết.

Từ ngữ chỉ địa điểm sinh hoạt cộng đồng	Từ chỉ người trong cộng đồng	Từ ngữ chỉ sinh hoạt cộng đồng
công viên, rạp xiếc, rạp hát, rạp chiếu phim, câu lạc bộ, bể bơi, sân vận động, nhà hàng, nhà ga, quán ăn, quán kem, cửa hàng, siêu thị, chợ, trường học, hiệu sách, bưu điện, chùa, bảo tàng, công xưởng, ...	hàng xóm, diễn viên, ca sĩ, khán giả, bác sĩ, danh họa, nông dân, kế toán, du khách, hành khách, giáo viên, học sinh, sinh viên, ...	thăm hỏi, chúc Tết, hội họp, gây quỹ giúp người nghèo, tham gia chương trình mùa hè xanh, ...

- 3.** Nối từ ngữ ở cột A với những từ ngữ thích hợp ở cột B để tạo thành câu
a – 4 (hoặc 1, 3, 5, 6, 7) ; b – 2 (hoặc 7) ; c – 1 (hoặc 7) ; d – 3 (hoặc 6, 7)
- 4.** Viết lại những câu ở bài tập 3
Ví dụ: Mỗi loài hoa có một hương thơm / có một sắc màu.
- 5.** Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống
(1) bạn ; (2) em ; (3) anh trai ; (4) ăn thịt ; (5) ngạc nhiên ; (6) không phải ; (7) giống ; (8) biết ; (9) sợ ; (10) họ hàng
- 6.** Đọc lại truyện “Gà mái và cá sấu”, trả lời câu hỏi
a) Gà mái phải qua sông để thăm bạn.
b) Lần thứ nhất vô được gà mái, cá sấu để cho gà mái đi vì thấy gà mái gọi mình là “anh trai”.

- c) Vồ được gà mái lần thứ hai, cá sấu vẫn không ăn thịt gà mái vì thấy gà mái gọi mình là “anh trai”.
- d) Gà mái giải thích nó gọi cá sấu là “anh trai” vì cá sấu giống như nó cũng nở ra từ trứng.
- e) Kết thúc câu chuyện là : từ đấy, gà mái tự do qua sông, không sợ bị cá sấu ăn thịt.
- 7.** Nhìn tranh, trả lời câu hỏi
- a) Bộ ly này (làm) bằng thủy tinh.
- b) Bộ bàn ghế này (làm) bằng gỗ.
- c) Những con dao này (làm) bằng sắt.
- d) Đôi giày này (làm) bằng da.
- 8.** Ghép hai câu thành một câu
- a) Em đang mặc chiếc áo len màu xanh mà chị Linh mua cho.
- b) Sơn thích truyện tranh Chú Vịt Mc Donald mà Sơn mua ở hiệu sách phố Đông.
- c) Lan hỏi chị Phương về bức tranh Đông Hồ mà em nhìn thấy ở Bảo tàng Mĩ thuật.
- d) Tâm kể cho Hạnh nghe về các làng nghề mà Tâm đã đến thăm khi về Việt Nam.
- 9.** Tìm trong mỗi câu đã cho 3 chữ viết sai chính tả và sửa lại cho đúng
- a) cây ; tiên ; bắc b) rẽ ; đến ; nghề
- c) làng ; làm ; sứ d) sứ ; bán ; ngoài
- e) dẹt ; rên ; vải g) động ; đỡ ; bão
- 10.** Điền dấu thanh cho đúng

MÓN CHÁO NGON

Một cô bé rất nghèo, sống với mẹ ở trong rừng. Một hôm, cô gặp một bà tiên. Bà tiên nói :

– Con là cô bé ngoan, ta sẽ tặng cho con một món quà. Đây là một cái nồi. Khi nào đói, con nói : “Nồi xinh ơi, nấu đi !”, nó sẽ nấu ngay món cháo rất ngon cho con. Khi nào ăn no, con nói : “Nồi xinh ơi, dừng lại !”, nó sẽ không nấu cháo nữa.

Từ đó, lúc nào đói, mẹ con cô gái nghèo lại có món cháo rất ngon để ăn.

- 11.** Viết 5, 7 câu về một cuộc du lịch hoặc một sinh hoạt tập thể mà em đã tham gia cùng bạn bè. Đáp án mở.

BÀI 4. THỜI GIAN - THỜI TIẾT

- 1.** Viết thêm những từ ngữ em biết vào mỗi cột. Sau đó, trao đổi cùng bạn để bổ sung những từ ngữ em chưa biết.
- a) Từ ngữ chỉ thời gian: sáng, sáng nay, mùa, mùa xuân, mùa đông, mùa hè, mùa thu, mùa khô, mùa mưa, trưa, chiều, chiều qua, tối, đêm, giờ, phút, giây, ngày, tuần, tháng, năm, năm 2008, năm mới, năm cũ, tết, trung thu, mồng một, ...
- b) Từ ngữ chỉ thời tiết: nắng, mưa, mưa rào, nóng, ẩm áp, mát, lạnh, rét, gió, bão, tuyết, mưa đá, mưa xuân,...
- 2.** Điền **đã**, **đang**, **sắp** hoặc **sẽ** vào chỗ thích hợp
- (1) sắp ; (2) đang ; (3) đang ; (4) đã ; (5) đã ; (6) sẽ
- 3.** Đọc lại truyện “Cháy ! Cháy !”, trả lời câu hỏi
- a) Cô con gái báo với ông bố nhà bếp đang cháy.
- b) Nhà bếp cháy vì cô con gái để một đồng giấy báo lớn bên cạnh bếp và giấy báo cháy.
- c) Cô gái không đổ nước trong nồi vào lửa vì cho rằng nước nóng không làm tắt lửa được.
- 4.** Đặt câu có từ **định**. Ví dụ :
- a) Bố mẹ **định** chủ nhật đi chơi ở đâu ạ ?
- b) Bố mẹ ơi, con **định** chiều nay đi chơi ở công viên thành phố ạ.
- c) Chị ơi, em **định** mua một chiếc áo dài và một chiếc nón.
- d) Hà à, cả nhà tớ **định** đi du lịch vào mùa hè tới.

5. Chuyển đổi câu
 - a) Bà ngoại Bi nói sẽ tặng Bi một chú chó con rất đẹp.
 - b) Mẹ bảo Bi thỉnh thoảng phải tắm cho chó con.
 - c) Bi hỏi Tôm có thích đi chơi cùng Bi và chó con không.
 - d) Bi đề nghị anh sáng mai cùng Bi ra hồ dạy chó con tập bơi.
6. Có thể điền từ **đâu** vào chỗ trống nào
Điền **đâu** vào các chỗ trống (2), (3), (4), (6)
7. Viết tiếp câu có dùng từ **vậy** vào chỗ trống thích hợp. Ví dụ :
 - a) ... Nhà mình sẽ về Việt Nam vào *mùa đông vậy*.
 - b) ... Chúng mình ăn *bánh cuốn vậy*.
 - c) ... Chúng mình đi *siêu thị vào ngày mai vậy*.
 - d) ... Thế thì đội bóng phải *chờ cậu vậy*.
8. Điền cụm từ cho sẵn vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành câu
 - a) Ai tốt bụng người ấy *được bạn bè mến*.
 - b) Ai *làm nhiều* thì người ấy no đủ.
 - c) Người nào lười thì người ấy *sẽ nghèo đói*.
 - d) Người nào *dậy sớm* thì người ấy được thấy mặt trời lên.
 - e) Người nào thích mùa mưa thì người ấy *nên đến Việt Nam vào tháng sáu*.
9. Đặt câu với các từ ngữ đã cho
 - a) Cậu anh / Cậu em khoẻ mạnh ***bao nhiêu***, cậu em / cậu anh ốm yếu ***bấy nhiêu***.
 - b) Cô chị / Cô em xinh đẹp ***bao nhiêu***, cô em / cô chị xấu xí ***bấy nhiêu***.
 - c) Con lớn ***bao nhiêu***, ba mẹ già ***bấy nhiêu***.
 - d) Thỏ nhanh ***bao nhiêu***, rùa chậm ***bấy nhiêu***.
 - e) Gió mạnh ***bao nhiêu***, bão lớn ***bấy nhiêu***.
 - g) Con học giỏi ***bao nhiêu***, ba mẹ mừng ***bấy nhiêu***.
10. Đặt câu với các từ ngữ đã cho. Ví dụ :
 - a) Sáng ***nào*** ông em ***cũng*** tập thể dục.
 - b) Tối ***nào*** bà ***cũng*** kể chuyện cho Bi nghe.
 - c) Mùa hè ***nào*** nhà Sơn ***cũng*** đi nghỉ mát ở biển.
 - d) Mùa mưa ***nào*** ông em ***cũng*** bị đau lưng.
11. Giải thích từ **đành** theo cách của em. Ví dụ :
 - a) Tiến đánh bóng bàn rất giỏi nhưng lại ốm vào hôm có cuộc thi. Tiến **đành** bỏ cuộc thi.
 - b) Hùng rất thích ở quê nhưng ngày mai phải đi học. Hùng **đành** phải về thành phố.
 - c) Tâm rất thích ăn phở nhưng không mua được phở. Tâm **đành** phải ăn bánh mì.
 - d) Hạnh định mặc áo dài đi dự tiệc nhưng áo dài chưa may xong. Hạnh **đành** phải mặc quần bò, áo sơ-mi đi dự tiệc.
12. Điền dấu thanh cho đúng

NGÀY VÀ ĐÊM

Ngày xưa, mặt trăng, mặt trời và gà trống cùng sống với nhau ở trên trời. Gà trống có một cái mũ màu đỏ. Mặt trăng thích cái mũ của gà trống, xin gà cho nó cái mũ. Gà không cho. Mặt trăng tức giận ném mũ của gà xuống mặt đất. Mặt đất rộng và tối quá, gà chẳng tìm thấy mũ. Nó nhờ mặt trời chiếu ánh sáng xuống mặt đất. Mặt trời chiếu sáng mặt đất, gà trống tìm thấy mũ. Nó đội mũ lên đầu rồi bay lên trời nhưng trời cao quá, nó không bay lên được. Nó nhờ mặt trời kéo nó lên. Mặt trời không kéo gà lên được. Mặt trời bảo gà trống hãy ở lại mặt đất. Khi nào ngủ dậy, gà trống gọi "Mặt trời ơi!" thì nó sẽ dậy nói chuyện với gà trống.

13. Viết khoảng 7 đến 10 dòng về một tháng hoặc một mùa trong năm mà em thích. Đáp án mở.

BÀI 5. GIAO THÔNG

1. Nối A với B cho thích hợp

a – 2 ; b – 6 ; c – 4 ; d – 5 ; e – 3 ; g – 1

2. Xem bảng giờ tàu hoả từ Hà Nội đi Trung Quốc, đặt câu hỏi và trả lời

b) Hà Nội - Bằng Tường

A : – Bằng Tường cách Hà Nội bao xa ?

B : – 181 km.

A : – Tàu hoả chạy từ Hà Nội đến Bằng Tường mất bao lâu ?

B : – 8 tiếng rưỡi.

c) Hà Nội - Nam Ninh

A : – Nam Ninh cách Hà Nội bao xa ?

B : – 401 km.

A : – Tàu hoả chạy từ Hà Nội đến Nam Ninh mất bao lâu ?

B : – 14 tiếng 20 phút.

d) Hà Nội - Quế Lâm

A : – Quế Lâm cách Hà Nội bao xa ?

B : – 832 km.

A : – Tàu hoả chạy từ Hà Nội đến Quế Lâm mất bao lâu ?

B : – 22 tiếng 48 phút.

e) Hà Nội - Hoàng Dương

A : – Hoàng Dương cách Hà Nội bao xa ?

B : – 1194 km.

A : – Tàu hoả chạy từ Hà Nội đến Hoàng Dương mất bao lâu ?

B : – 28 tiếng 22 phút.

g) Hà Nội - Hán Khẩu

A : – Hán Khẩu cách Hà Nội bao xa ?

B : – 1762 km.

A : – Tàu hoả chạy từ Hà Nội đến Hán Khẩu mất bao lâu ?

B : – 34 tiếng 55 phút.

3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

(1) lái xe ; (2) dừng ; (3) an toàn ; (4) bằng

4. Đọc lại truyện ở bài tập 3, trả lời câu hỏi

a) Người lái xe bị cảnh sát yêu cầu dừng xe.

b) Anh ta hỏi cảnh sát : “Có chuyện gì không ạ ?”

c) Anh cảnh sát trả lời : Tôi thấy anh lái xe rất an toàn. Anh được giải thưởng "Người lái xe an toàn" có giá 5.000 USD. Chúc mừng anh nhé !”

d) Anh cảnh sát hỏi người lái xe sẽ làm gì với giải thưởng này.

e) Sau khi nghe câu trả lời của người lái xe, chắc cảnh sát sẽ không tặng giải thưởng mà phạt anh ta vì không có bằng lái xe.

5. Xem tranh, cho biết người trong tranh không được làm gì, phải làm gì

b) Không được đi ngược chiều.

c) Phải đội mũ bảo hiểm.

d) Khi lái xe không được uống rượu.

e) Không được rẽ trái.

6. Xem bản đồ thành phố Đà Nẵng, tập chỉ đường theo các tình huống

a) Bạn đi thẳng đường Lý Thái Tổ, tiếp tục đi thẳng đường Hùng Vương, đến ngã ba Hùng Vương - Bạch Đằng bạn rẽ trái vào phố Bạch Đằng. Cầu Sông Hàn ở bên phải.

b) Bạn đi theo phố Hải Phòng, đến ngã tư Hải Phòng - Ông Ích Khiêm, bạn rẽ trái vào phố

Ông Ích Khiêm, đi qua một ngã ba, đến ngã tư Ông Ích Khiêm - Quang Trung, bạn rẽ phải vào phố Quang Trung. Tiếp tục đi thẳng đến cuối phố Quang Trung, Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng ở bên phải.

c) Bạn đi đến ngã tư Phan Thanh - Nguyễn Văn Linh rẽ trái vào phố Nguyễn Văn Linh. Đi hết phố Nguyễn Văn Linh thì đến sân bay Đà Nẵng.

d) Bạn đi theo đường Bạch Đằng về hướng cầu Nguyễn Văn Trỗi, bạn sẽ thấy Bảo tàng Chăm ở bên phải, nhìn ra sông Hàn.

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

a) (1) bật, 2 (lên) ; b) (1) lại, (2) mở, (3) ra ; c) (1) giờ, (2) lên ; d) vào ; e) đóng ; g) (1) xuống, (2) mở

8. Sắp xếp các từ trong câu theo trật tự đúng

a) Khi chúng tôi đang nói chuyện về bạn Hiền thì bạn ấy đến.

b) Cháu nói to lên, bà không nghe thấy gì cả.

c) Hiện nay, hệ thống giao thông trong thành phố đang phát triển rất nhanh.

d) Món ăn nào cũng cay quá nên tôi không ăn được gì cả.

9. Điền từ đã cho thích hợp với mỗi chỗ trống

(1) nổi tiếng ; (2) sinh ra ; (3) bên ; (4) ở ; (5) trở thành ; (6) trong ; (7) muốn ; (8) trên ; (9) rời ; (10) truyện ngắn ; (11) nổi tiếng ; (12) thế giới

10. Điền từ thích hợp để hoàn thành câu. Đánh dấu ☒ vào ☐ em lựa chọn.

a) ô1 (ngoài) ; b) ô2 (rời ga) ; c) ô2 (qua) ; d) ô1 (quanh) ; e) ô3 (ra) ; g) ô2 (cách) ; h) ô3 (tắc đường) ; i) ô1 (đón) ; k) ô3 (hạ cánh)

11. Đọc bài "Thành phố Đà Nẵng", đánh dấu ☒ vào ☐ thích hợp kiểm tra thông tin đúng hay sai

a) sai ; b) đúng ; c) đúng ; d) sai ; e) sai ; g) đúng ; h) đúng

12. Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu về một phương tiện giao thông mà em thích. Đáp án mở.

BÀI 6. SỨC KHOẺ

1. Điền **bị** hoặc **được** vào câu cho thích hợp

a) được ; b) bị ; c) bị ; d) được ; e) bị ; g) được ; h) được

2. Điền các từ đã cho vào chỗ trống thích hợp :

a) vỡ ; b) gãy chân ; c) đau mắt ; d) chết ; e) cúm ; g) mất điện

3. Dùng **được** chuyển đổi câu

a) Mẹ được bố tặng hoa (cho) nhân ngày Valentine.

b) Con được mẹ mua (cho) rất nhiều đồ chơi đẹp nhân ngày sinh nhật.

c) Trẻ em nghèo được các bác sĩ của chương trình "Nụ cười" khám răng miễn phí.

d) Cửa ra vào đã bị (ai đó) khóa nên người trong nhà không thể đi ra ngoài được.

e) Công nhân bị giám đốc nhà máy từ chối tăng lương.

4. Chọn từ thích hợp để hoàn chỉnh câu

a) Anh Nam bị công an phạt vì đi vào đường một chiều.

b) Tên trộm bị công an bắt.

c) Học sinh bị thầy giáo phê bình vì nói chuyện trong lớp.

d) Ngôi nhà bên sông bị bão phá hủy hoàn toàn.

e) Vì mưa to, điện bị cắt.

5. Điền **đừng** / **phải** vào chỗ trống thích hợp

a) đừng ; b) đừng ; c) phải ; d) phải ; e) đừng

6. Nếu bạn là bác sĩ, bạn sẽ khuyên bệnh nhân như thế nào
- Đừng xem ti vi quá nhiều.
 - Đừng ăn nhiều kẹo.
 - Đừng mang túi nặng quá.
 - Đừng uống quá nhiều nước đá.
 - Đừng ăn thức ăn cũ.
 - Đừng ăn quá nhiều.
7. Chuyển đổi câu
- Để không bị béo phì, **không những** không được ăn quá nhiều mà còn phải tập thể dục.
 - Để không bị đau lưng, **không những** không được mang vật nặng mà còn không được ngồi một chỗ quá lâu.
 - Để không bị sâu răng, **không những** không được ăn nhiều bánh kẹo mà còn phải đánh răng ngay sau khi ăn.
 - Để không bị cảm lạnh, **không những** cần phải giữ ấm cổ mà còn phải giữ ấm bàn chân.
 - Để không bị cận thị, **không những** không được để sách ở quá gần mắt mà còn phải đọc sách ở nơi đủ ánh sáng.
 - Khi trời nắng to, để không bị say nắng, **không những** cần phải đội mũ khi đi ra nắng mà còn không được ở dưới nắng quá lâu.
8. Điền từ thích hợp vào chỗ trống
- cận thị ; b) có hại ; c) thưởng thức ; d) nhân ái ; e) giá trị
9. Sắp xếp các câu đã cho theo trật tự đúng
- a - 1 ; b - 2 ; m - 3 ; e - 4 ; i - 5 ; g - 6 ; h - 7 ; d - 8 ; l - 9 ; c - 10 ; k - 11
10. Đọc bài, đánh dấu ☒ vào ☐ trước ý trả lời đúng
- a - ô2 (20 đến 30 phút); b - ô1 (sữa nóng); c - ô3 (buổi tối) ; d - ô3 (uống sữa nóng, tắm nước ấm, nghe nhạc)
11. Đọc lại văn bản ở bài tập 11, trả lời câu hỏi
- ... vì dạ dày sẽ phải làm việc cả đêm.
 - ... vì cà phê và trà sẽ làm bạn không buồn ngủ.
 - ... vì ánh sáng có thể làm bạn khó ngủ.
 - ... ta nên viết ra giấy tất cả những điều làm mình lo lắng, sau đó quên tất cả và đi ngủ.
 - e, h) Đáp án mở.

BÀI 7. MUA SẮM

1. Khớp tranh với nhãn mặt hàng
- a - 5 ; b - 7 ; c - 2 ; d - 1 ; e - 8 ; g - 4 ; h - 3 ; i - 6
2. Nhìn tranh và dựa vào kết quả của bài tập 1, hoàn thành các đoạn hội thoại
- | | |
|---|--|
| a) A : - Những bình hoa này làm bằng gì ? | B : - (Làm) bằng thủy tinh . |
| A : - Của ai sản xuất? | B : - Của Pháp sản xuất . |
| b) A : - Những chiếc bát này làm bằng gì ? | B : - (Làm) bằng gốm sứ . |
| A : - Của ai sản xuất? | B : - Của Nhật sản xuất . |
| c) A : - Những chiếc nồi này làm bằng gì ? | B : - Bằng i-nốc . |
| A : - Của ai sản xuất ? | B : - Của Đức sản xuất . |
| d) A : - Những chiếc thảm này làm bằng gì ? | B : - (làm) bằng len . |
| A : - Của ai sản xuất ? | B : - Của Trung Quốc sản xuất . |
| e) A : - Những chiếc chậu này làm bằng gì ? | B : - (làm) bằng nhựa . |
| A : - Của ai sản xuất ? | B : - Của Thái lan sản xuất . |
| g) A : - Những chiếc tủ sách này làm bằng gì ? | B : - (Làm) bằng gỗ công nghiệp . |

- A : – **Của ai sản xuất ?** B : – **Của Singapore sản xuất.**
 h) A : – **Những chiếc chiếu này làm bằng gì ?** B : – **Bằng cối.**
 A : – **Của ai sản xuất ?** B : – **Của Việt Nam sản xuất.**
 i) A : – **Những chiếc chăn này làm bằng gì ?** B : – **Bằng bông.**
 A : – **Của ai sản xuất ?** B : – **Của Việt Nam sản xuất.**
3. Viết tên 5 vật dụng của em. Ghi rõ những vật dụng đó được làm bằng gì, của ai sản xuất.
 Đáp án mở.
4. Đặt câu hỏi **có phải ... không ?** để kiểm tra lại thông tin
 a) Có phải cuối tuần này chúng ta được đi xem triển lãm không ?
 b) Có phải hè này Minh sẽ về Việt Nam chơi không ?
 c) Có phải chợ Đồng Xuân là chợ lớn nhất ở Hà Nội không ?
 d) Có phải tối nay bạn Mai sẽ mời chúng ta đi chợ đêm không ?
 e) Có phải những hàng bán ở đây đều làm bằng tay không ?
 g) Có phải cô giáo Hiền sẽ dạy tiếng Việt ở lớp ta không ?
 h) Có phải Tâm đã được đến làng gốm Bát Tràng ở Hà Nội không ?
 i) Có phải ngày mai ở siêu thị có nhiều hàng khuyến mại không ?
5. Dựa vào thông tin quảng cáo để trả lời câu hỏi
 a) – Không phải. Đây là hội chợ hàng tiêu dùng thủ công.
 b) – Đúng rồi. Hội chợ bắt đầu từ 1 tháng 3.
 c) – Không phải. Hội chợ được tổ chức ở Văn Miếu – Quốc Tử giám.
 d) – Đúng rồi. Hội chợ này có nhiều hoạt động vui chơi có thưởng.
 e) – Không phải. Hội chợ không có chương trình giới thiệu cách làm gốm Bát Tràng. Chỉ có chương trình giới thiệu văn hoá ẩm thực Hà Nội.
 g) – Không phải. Hội chợ không có thi nấu cơm.
 h) – Đúng rồi. Hội chợ có chương trình tặng quà khuyến mại.
6. Điền các cụm từ **nhìn thấy, nghe thấy** vào chỗ trống thích hợp
 a) nhìn thấy ; b) nghe thấy ; c) nghe thấy ; d) nhìn thấy ; e) nghe thấy ; g) nghe thấy ; h) nhìn thấy
7. Gạch dưới từ trong ngoặc đơn thích hợp với chỗ trống để hoàn thành câu
 a : (1) nghĩ ra ; (2) nghĩ ra ; (3) nghĩ ra ; (4) nghĩ
 b : (1) nghĩ ; (2) nghĩ ra ; (3) nghĩ ; (4) nghĩ ; (5) nghĩ ; (6) nghĩ ra ; (7) nghĩ
8. Đọc đoạn văn đã cho, đánh dấu ☒ vào ☐ thích hợp kiểm tra thông tin đúng hay sai ? Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.
 a – Đ ; b – Đ ; c – S (Trong siêu thị có bán rau) ; d – Đ ; e – Đ ; g – S (Siêu thị này có chương trình tặng quà trong ngày khuyến mại, chị của Diệp được tặng cuốn sách dạy nấu ăn).
9. Đọc lại đoạn văn ở bài tập 8, trả lời câu hỏi
 a) Diệp đã mua một đôi giày thể thao với giá rẻ.
 b) Chị của Diệp không mua gì.
 c) Chị của Diệp được tặng một cuốn sách dạy nấu ăn.
 d) Hai chị em Diệp được mời nếm các món ăn miễn phí.
10. Điền dưới mỗi tranh tên các mặt hàng được bày ở chợ
 a) táo ; b) rau muống ; c) bưởi ; d) cà chua ; e) thịt lợn
 g) súp lơ (hoa lơ) ; h) cam ; i) lê ; k) dưa hấu ; l) chuối ; m) nho
 n) hành ; o) bánh cuốn ; p) thịt bò ; q) rau cải xanh ; r) dưa chuột
 s) nem ; t) cá ; u) bánh mì ; v) cần tây ; x) thịt gà

Hoa quả	Thực phẩm tươi sống		Món ăn
	Rau	Thịt	
táo, cam, lê, dưa hấu, chuối, bưởi, nho	súp lơ, hành, rau cải xanh, rau muống, cà chua, dưa chuột, cần tây	thịt lợn, thịt gà, thịt bò, cá	nem, bánh cuốn, bánh mì, cơm

11. Phân loại các mặt hàng ở bài tập 10 vào các cột

12. Viết thêm những từ em biết vào mỗi cột. Sau đó trao đổi cùng bạn để bổ sung những từ

Hoa quả	Thực phẩm tươi sống		Món ăn
	Rau	Thịt	
hồng, xoài, na, chôm chôm, đào, chanh	bí đao, ngô, khoai tây, giá đỗ, ớt	lươn, vịt, thịt thỏ, thịt gà, thịt chim, thịt đà điểu, thịt rắn, thịt voi	nộm, phở, phở xào, xúp, bò xốt tiêu đen, trứng rán, bún thang, chả cá, cháo, sữa, bánh chưng, bánh ga tô, bánh dẻo, bánh nướng, ...

em chưa biết. Ví dụ :

13. Điền từ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành câu.

a) hấp dẫn; b) hấp dẫn; c) hấp dẫn; d) hấp dẫn; e) hấp dẫn; g) hấp dẫn; h) hấp dẫn

14. Đọc và viết lại đúng những từ đã cho

15. Viết về một món quà sinh nhật mà em được tặng. Đáp án mở.

BÀI 8. TRANG PHỤC

1. Hoàn thành các câu nói về dự định của các nhân vật

a) Ông bà của Minh **định** tuần sau về quê thăm họ hàng. / Ông bà của Minh **định** tuần sau (sẽ) về quê thăm họ hàng. Chú ý: Cả 2 câu đều cho biết sự việc “về quê thăm họ hàng” mới chỉ là dự kiến của nhân vật, chưa diễn ra.

b) Thu và Chi **định** chủ nhật này đi mua sắm ở chợ Bến Thành. / Thu và Chi **định** chủ nhật này (sẽ) đi mua sắm ở chợ Bến Thành. Chú ý: Cả 2 câu đều cho biết sự việc “đi mua sắm ở chợ Bến Thành” mới chỉ là dự kiến của nhân vật, chưa diễn ra.

c) Bác Tư **định** sáng mai hướng dẫn Trang làm món nem. / Bác Tư **định** sáng mai (sẽ) hướng dẫn Trang làm món nem Việt Nam. Chú ý: Cả 2 câu đều cho biết sự việc “hướng dẫn Trang làm món nem” mới chỉ là dự kiến của nhân vật, chưa diễn ra.

d) Hôm nay chú Hùng **định** mời cả nhà đi ăn sáng / Chú Hùng **định** hôm nay (sẽ) mời cả nhà đi ăn sáng. Chú ý: Câu 1 cho biết dự kiến của nhân vật vì một lí do nào đó, đã không thực hiện được. Còn câu 2 cho biết sự việc “mời cả nhà đi ăn sáng” mới chỉ là dự kiến của nhân vật, chưa diễn ra.

e) Tối nay Kiên **định** rủ Tú đi xem phim. / Kiên **định** tối nay (sẽ) rủ Tú đi xem phim. Chú ý : Câu 1 cho biết dự kiến của nhân vật vì một lí do nào đó, đã không thực hiện được. Còn câu 2 cho biết sự việc “mời cả nhà đi ăn sáng” mới chỉ là dự kiến của nhân vật, chưa diễn ra.

g) Lúc 10 giờ, John **định** học thêm tiếng Việt. / John **định** lúc 10 giờ (sẽ) học thêm tiếng Việt. Câu 1 cho biết dự kiến của nhân vật vì một lí do nào đó, đã không thực hiện được. Còn câu 2 cho biết sự việc “mời cả nhà đi ăn sáng” mới chỉ là dự kiến của nhân vật, chưa diễn ra.

2. Đọc những dự định của Hương. Hỏi Hương định khi nào sẽ thực hiện những dự định đó.

a) Hương, bạn định khi nào (sẽ) mua cây cảnh bày cửa sổ ?

b) Hương, bạn định khi nào (sẽ) giúp bé Sơn học toán ?

c) Hương, bạn định khi nào (sẽ) đưa bà đi thăm bảo tàng ?

d) Hương, bạn định khi nào (sẽ) viết thư cho bạn ở Việt Nam ?

e) Hương, bạn định khi nào (sẽ) mua áo cho mẹ ?

- g) Hương, bạn định khi nào (sẽ) rủ các bạn cùng lớp đi xem phim ?
3. Những việc dưới đây bạn nên hay không nên làm ? Đặt câu với **nên, không nên**.
- c) Bạn không nên nói chuyện trong lớp.
d) Bạn không nên ăn nhiều đồ rán.
e) Bạn nên ăn nhiều rau quả.
g) Bạn không nên hút thuốc lá
h) Bạn nên đánh răng sau khi ăn
i) Bạn nên tập thể dục hằng ngày.
k) Bạn không nên thức đêm và ngủ ngày.
4. Dùng từ **nên** hoặc **cần**, đưa ra lời khuyên thích hợp trong các tình huống. Ví dụ :
- a) Hà **nên / cần** ăn chậm hơn. / Hà **không nên** ăn quá nhanh.
b) Thuỷ **cần** học môn toán chăm hơn. / Thuỷ **không nên** lười học môn toán.
c) Minh **nên / cần** đeo kính khi đọc sách.
d) Chi **không nên** đi chơi nữa. / Chi **nên** ở nhà.
e) Thu **không nên** đi du lịch nữa. / Thu **nên** ở nhà.
g) Trang **nên** mang theo bản đồ.
h) Lan **cần** đi mua dầu rán.
5. Đưa ra lời khuyên thích hợp cho các câu hỏi. Ví dụ :
- a) – Bạn nên mua mấy bông hoa.
b) – Bạn nên mua ở cửa hàng giày Thượng Đình, phố Tôn Đức Thắng.
c) – Bạn nên mua tặng mẹ một tấm vải may áo dài.
d) – Bạn nên mua một bộ tách chén bằng gốm Bát Tràng.
e) – Không. Bạn không cần mang theo áo rét.
g) – Có. Học tiếng Việt bạn phải có từ điển tiếng Việt chứ.
h) – Bạn cần mang theo nhiều thứ : quần áo, thức ăn, nước uống,...
6. Nếu em định về chơi Việt Nam, em cần chuẩn bị những gì ? Viết ra ít nhất 5 việc cần làm.
Đáp án mở.
7. Viết ít nhất 5 việc em cần làm trong tuần này. Đáp án mở.
8. Dựa vào tranh và từ ngữ đã cho, hỏi và trả lời
- b) A : – Hồng đã cắm hoa xong chưa? B : – Chưa, Hồng chưa cắm hoa xong.
c) A : – Mai và Trang dọn nhà xong chưa? B : – Chưa. Mai và Trang / họ chưa dọn nhà xong.
d) A : – Quân đã vẽ tranh xong chưa ? B : – Chưa. Quân chưa vẽ xong.
e) A : – Bác Bảy đã may áo dài xong chưa ? B : – Bác (Bảy) đã may (áo dài) xong rồi.
g) A : – Bác Hai đã rửa xe xong chưa ? B : – Bác (Hai) đã (rửa xe) xong rồi.
h) A : – Ông Mười đã sơn cửa xong chưa ? B : – Chưa. Ông (Mười) chưa sơn xong (cửa).
i) A : – Bác Tư đã trồng cây xong chưa ? B : – Bác (Tư) đã trồng cây xong rồi.
9. Điền vào chỗ trống cụm từ thích hợp để hoàn thành câu
a) Bất cứ ngày nào ; b) bất cứ ngày nào ; c) Bất cứ ai ; d) bất cứ ai ; e) bất cứ nơi nào ; g) bất cứ nơi nào ; h) Bất cứ ngày nào; i) bất cứ ai
10. Đặt 3 câu với 3 cụm từ ở bài tập 9. Đáp án mở.
11. Nối từ ngữ ở cột A với những từ ngữ thích hợp ở cột B để tạo thành câu
a – 2 (hoặc 4) ; b – 2 (hoặc 3) ; c – 1 (hoặc 4, 5) ;
d - Tất cả các khả năng ; e - Tất cả các khả năng
12. Đọc đoạn văn của một bạn gái 12 tuổi. Đánh dấu ☒ vào ☐ thích hợp kiểm tra thông tin đúng hay sai ? Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.
- a) – S (Mẹ bạn đó mới may áo dài.) ; b) – S (Bạn đó rất thích áo dài - nên khen mẹ mặc đẹp, muốn mặc thử áo.) ; c) – Đ ; d) – S (Mẹ bạn đó nói bất cứ ai cùng mặc được áo dài.) ;
e) – Đ ; g) – S (Bạn đó định mặc áo dài vào dịp lễ tết cùng mẹ.)
13. Đọc lại đoạn văn ở bài tập 11, trả lời câu hỏi

- a) Khi mặc áo dài, mẹ của bạn gái đó trông rất trẻ và duyên dáng.
 - b) Khi bạn gái đó mặc áo dài, trông bạn rất buồn cười.
 - c) Mẹ nói bất cứ ai cũng hợp với áo dài, chỉ cần may đúng kiểu hợp với mình.
 - d) Bạn gái đó định sang năm sẽ may áo dài.
14. Đọc và viết lại đúng các từ đã cho.
15. Trả lời các câu hỏi. Đáp án mở.

BÀI 9. THỂ THAO

1. Nhìn tranh, hoàn thành câu
 - a) hoạ sĩ ; b) ca sĩ ; c) bác sĩ ; d) diễn viên uốn dẻo ; e) cầu thủ
2. Đánh dấu ☒ vào ☐ trước ý đúng
 - a - ô1 (mát mẻ) ; b - ô3 (ồn ào) ; c - ô2 (khoẻ mạnh) ; d - ô3 (ngọt) ; e - ô3 (mệt mỏi)
3. Điền **trở thành** hoặc **trở nên** vào chỗ thích hợp
 - a) trở thành ; b) trở nên ; c) trở nên ; d) trở thành ; e) trở thành ; g) trở nên
4. Chuyển đổi câu
 - a) Chỉ bố mới biết sửa chữa điện.
 - b) Chỉ mẹ mới biết may quần áo.
 - c) Chỉ bà mới biết làm bánh.
 - d) Chỉ ông mới biết vẽ tranh.
 - e) Chỉ em gái mới thích chơi búp bê.
 - g) Chỉ tôi mới biết chơi bóng rổ.
5. Nhìn tranh và miêu tả : chỉ người nào mới có thể làm công việc được vẽ trong mỗi tranh
 - b) Chỉ phi công mới biết lái máy bay.
 - c) Chỉ diễn viên xiếc mới biết đi trên dây.
 - d) Chỉ vận động viên leo núi mới biết leo núi cao.
 - e) Chỉ người tập yoga mới biết trồng cây chuối.
 - g) Chỉ nhà văn mới biết viết truyện.
6. Điền **sắp** hoặc **sẽ** vào chỗ thích hợp
 - a) sắp ; b) sẽ ; c) sắp ; d) sắp ; e) sẽ ; g) sắp ; h) sẽ
7. Đặt câu hỏi cho các tình huống sau, dùng **đã ... chưa** hoặc **sắp... chưa**
 - a) – Anh đã đi Đà Nẵng chưa / bao giờ chưa ?
 - b) – Sắp đến nơi chưa ?
 - c) – Anh đã trả sách cho thư viện chưa ?
 - d) – Cơm sắp chín chưa ?
 - e) – Anh đã gọi thợ sửa chữa chưa ?
 - g) – Cháu sắp thi tốt nghiệp chưa ?
 - h) – Anh sắp học xong tiếng Việt chưa ?
8. Chuyển đổi câu
 - a) Trời mưa to. Bình làm sao đi ra ngoài mà không có áo mưa được.
 - b) Cụ già 95 tuổi làm sao lái ô tô với tốc độ 120 km / giờ được.
 - c) Phương mới học võ Vovinam mấy ngày, Phương làm sao thi đấu được.
 - d) Cầu thủ Huy Hùng bị gãy chân, làm sao ra sân được.
 - e) Dương bị đau răng, làm sao ăn thịt gà được.
9. Chuyển đổi câu
 - a) Ngoài phố, Thu còn thích ăn bún bò nữa.
 - b) Trong phòng họp, ngoài các nhân viên còn có giám đốc nữa.
 - c) Tuần này ngoài thi Toán, Hùng còn thi Văn nữa.
 - d) Đội bóng đá của trường ngoài học sinh còn có cả các thầy giáo trẻ nữa.

- e) Lớp võ của Phương *ngoài* nam sinh *còn* có nhiều nữ sinh nữa.
10. Dùng mẫu câu **ngoài A còn B (nữa)** để viết về bản thân. Đáp án mở.
11. Chuyển đổi câu
- a) Truyện "Đất rừng phương Nam" do nhà văn Đoàn Giỏi viết.
 - b) Giấy do người Trung Quốc phát minh ra.
 - c) Vovinam Việt võ đạo do võ sư Nguyễn Lộc sáng lập.
 - d) Yoga do người Ấn Độ sáng tạo ra.
 - e) Môn võ Kendo do người Nhật sáng tạo ra.
 - g) Bánh chưng do người Việt Nam sáng tạo ra.
12. Đọc bài "Cờ vua". Kiểm tra thông tin đúng hay sai ? Đánh dấu ☒ vào ☐ thích hợp :
- a) đúng ; b) sai ; c) sai ; d) đúng ; e) sai ; g) đúng
13. Trả lời câu hỏi
- a) ... vì trò chơi này diễn ra trên một bảng hình vuông, gồm có 64 ô vuông với 32 quân cờ màu đen và màu trắng.
 - b) ... vì môn thể thao này rất khó. Những người chơi giỏi nhất thế giới cũng không thể biết hết mọi đường đi của quân cờ.
 - c) ... vì có Thế vận hội Olympic cờ vua riêng, tổ chức hai năm một lần.

BÀI 10. NGHỆ THUẬT

1. Viết tên môn nghệ thuật dưới mỗi tranh
 - a) hội hoạ ; b) âm nhạc ; c) múa ba-lê ; d) múa rối ; e) ảo thuật ; g) xiếc
2. Viết thêm các từ ngữ đã cho vào đúng nhóm
 - d) vui, buồn, yêu, ghét, nhớ, tức giận, xúc động, sợ hãi, hâm mộ
 - a) ca sĩ, danh hoạ, nhạc sĩ, nghệ sĩ, diễn viên, nhà thơ, nhà văn, khán giả
 - b) hát, diễn kịch, hát chèo, hát tuồng, hát cải lương, múa, múa ba-lê, uốn dẻo, đánh đàn, múa rối nước, chiếu phim, biểu diễn xiếc, sáng tác nhạc
 - c) kịch bản, tranh sơn mài, vở kịch, tranh lụa, tranh Đông Hồ, bài hát, bản nhạc, truyện, bài thơ, bài dân ca
3. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B
 - a - 4 , b - 3 , c - 1 , d - 5 , e - 2
4. Chuyển đổi câu
 - a) Trời quá lạnh khiến (cho) / làm (cho) bé Bông bị cảm.
 - b) Sức khoẻ của mẹ ngày càng yếu khiến (cho) / làm (cho) Hoa rất buồn.
 - c) Bao sắp về khiến (cho) / làm (cho) mọi người rất lo.
 - d) Đàn con ngoan ngoãn khiến (cho) / làm (cho) Thỏ Mẹ rất vui.
 - e) Bát phở trông ngon quá khiến (cho) / làm (cho) thím Nhung đang ốm cũng cảm thấy muốn ăn
5. Sắp xếp các từ ngữ đã cho thành câu
 - a) Bi và Tôm diễn kịch rất hay làm cho cả lớp thích thú.
 - b) Bài hát rất tình cảm làm cho mọi người đều xúc động.
 - c) Hai đứa con đều học kém làm cho bố mẹ cảm thấy rất buồn
 - d) Mấy đứa cháu cười nói rất to khiến ông bà cảm thấy đau đầu.
 - e) Tuấn kể chuyện vui khiến mẹ đang bực mình cũng buồn cười.
6. Chuyển đổi câu
 - a) John coi chèo là môn nghệ thuật dân gian thú vị nhất.
 - b) Bác Đạm coi múa rối nước là môn nghệ thuật dân gian vui nhất.
 - c) Tôm coi games là trò chơi hấp dẫn nhất.
 - d) Hùng xem cháo là món ăn chán nhất.

- e) Lân xem Đà Lạt là nơi có phong cảnh đẹp và khí hậu dễ chịu nhất.
- 7.** Trả lời câu hỏi. Đáp án mở. Gợi ý, câu e: HIV - AIDS
- 8.** Đặt câu hỏi cho các câu đã cho
- Hội thi chọn ai là học sinh duyên dáng nhất ?
 - Các bác sĩ, y tá bầu ai làm giám đốc bệnh viện ?
 - Các cầu thủ nhỏ bầu chọn ai là cầu thủ xuất sắc nhất của trường ?
 - Các con vật trong rừng cử con gì đi nói chuyện với Hổ ?
- 9.** Chuyển các câu ở bài 8 theo mẫu
- Linh được hội thi chọn là học sinh duyên dáng nhất.
 - Bác sĩ Thu Huệ được các bác sĩ, y tá bầu làm giám đốc bệnh viện.
 - Thế Anh được các cầu thủ nhỏ bầu chọn là cầu thủ xuất sắc nhất của trường.
 - Thỏ Trắng được các con vật trong rừng cử đi nói chuyện với Hổ.
- 10.** Đọc và trả lời câu hỏi
- Charles Chaplin sinh ngày 16-4-1889.
 - Charles sinh tại Luân Đôn, thủ đô nước Anh.
 - Bố mẹ ông đều là diễn viên hài kịch.
 - Mẹ Charles đã giáo dục cho ông tình yêu nghệ thuật biểu diễn.
 - Charles bắt đầu biểu diễn từ lúc 5 tuổi ?
 - Các bộ phim của Charles được đánh giá là rất nhân ái, sâu sắc, thú vị, sống mãi với thời gian.
 - Charles được đánh giá là ông vua của nghệ thuật hài trên sân khấu và phim ảnh thế giới.
- 11.** Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp
(1) tranh ; (2) vẽ ; (3) cái gì ; (4) dễ nhất ; (5) Vì sao ; (6) ngạc nhiên ; (7) xuất hiện (8) nhìn thấy
- 12.** Sửa lại cho đúng những từ viết sai chính tả
Khán giả đã bầu chọn Phương Linh là người hát dân ca hay nhất. Cô là một ca sĩ có năng khiếu, đồng thời là người có khả năng sáng tác. Trả lời phỏng vấn của phóng viên truyền hình, ngôi sao ca nhạc này tỏ ra rất xúc động. Cô cảm ơn khán giả và cảm ơn người thầy của mình là nghệ sĩ Kiều Dung.
- 13.** Viết 7 đến 10 câu về một môn nghệ thuật mà em yêu thích. Đáp án mở.

BÀI 11. LỄ HỘI

- 1.** Xem tranh và viết tên lễ hội
- Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương
 - tết Trung Thu
 - Ngày Nhà giáo Việt Nam
 - Lễ Giáng sinh
- 2.** Dựa vào tranh ở bài tập 1, điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các hội thoại
- (1) Đền Hùng ; (2) 10 - 3 Âm lịch
 - (1) rước đèn ; (2) Trung Thu
 - (1) tặng cô giáo cũ ; (2) Nhà giáo Việt Nam
 - (1) Lễ Giáng sinh ; (2) nhà thờ
- 3.** Đặt câu có từ ngữ đã cho. Ví dụ :
- Chú Hải tặng một cây bút máy cho Hùng.
 - Cô gái bán hàng tặng một chiếc nón Huế cho bà Smith.
 - Tâm tặng quyển sách dạy nấu ăn cho Hạnh.
 - Chị Loan tặng vé du lịch Nha Trang cho em gái.
 - Ông giám đốc tặng vé xem kịch cho một nhân viên trong công ty.

4. Chuyển đổi các câu ở bài tập 3 theo mẫu. Ví dụ :
 - a) Chú Hải tặng (cho) Hùng một cây *bút máy*.
 - b) Cô gái bán hàng tặng (cho) bà Smith một *chiếc nón Huế*.
 - c) Tâm tặng (cho) Hạnh *quyển sách dạy nấu ăn*.
 - d) Chị Loan tặng (cho) em gái *vé du lịch Nha Trang*.
 - e) Ông giám đốc tặng (cho) một nhân viên trong công ty *vé xem kịch*.
5. Đặt câu có từ ngữ đã cho. Ví dụ :
 - a) Học sinh cả lớp hát tặng cô giáo bài hát *Tối trường*.
 - b) Mẹ Vân *mua tặng* Vân một món quà sinh nhật.
 - c) Hoa *làm tặng* bé Bông một con búp bê bằng vải.
 - d) Hà *vẽ tặng* Hoa một bức tranh.
 - e) Ngân An *viết tặng* mẹ một bài thơ.
6. Chuyển đổi các câu ở bài tập 5 theo mẫu. Ví dụ :
 - a) Học sinh cả lớp *hát* bài *Tối trường* *tặng* cô giáo.
 - b) Mẹ Vân *mua* một món quà sinh nhật *tặng* Vân.
 - c) Hoa *làm* một con búp bê bằng vải *tặng* bé Bông.
 - d) Hà *vẽ* một bức tranh *tặng* Hoa.
 - e) Ngân An *viết* một bài thơ *tặng* mẹ.
7. Dựa vào tình huống đã cho, viết câu theo mẫu
 - a) – Mẹ ơi, mẹ *dẫn / đưa* con đi thăm bà nhé.
 - b) – Anh ơi, chiều nay anh *dẫn / đưa* em đi xem bóng đá nhé.
 - c) – Bà ơi, cháu *dẫn / đưa* bà xuống xe nhé.
 - d) – Hồng ơi, cậu *dẫn / đưa* mình đi xem căn nhà nhé.
 - e) – Bác ơi, bác *dẫn / đưa* cháu đi xem các phòng nhé.
8. Dùng từ ngữ ở hai cột A và B để đặt câu có làm cho
 - b – 6 : Vở kịch rất xúc động *làm cho* người xem rơi nước mắt.
 - c – 2 : Các nhân viên bán hàng không khéo *làm cho* khách hàng rất giận.
 - d – 3 : Tin cơn bão đến *làm cho* mọi người dân đều lo.
 - e – 1 : Cậu học sinh lười học *làm cho* cô giáo rất buồn.
 - g – 5 : Chương trình ca nhạc dở *làm cho* khán giả rất chán.
9. Sắp xếp các từ ngữ thành câu
 - a) Cái đồng hồ này đã giúp Nam đi học đúng giờ.
 - b) Chị Kim dạy tôi nấu món ăn Hàn Quốc.
 - c) Thời tiết hôm nay khiến cho mọi người khó chịu.
 - d) Mưa làm cho đường ngập nước.
 - e) Anh Long dạy Bi làm toán.
10. Nhìn tranh, viết câu có dùng **đưa ... lên / xuống / ra / vào**
 - a) Hướng dẫn viên du lịch đưa du khách **xuống** tàu.
 - b) Nam đưa cụ già **lên** xe buýt.
 - c) Chị Lan đưa em gái **ra** sân bay.
 - d) Xe khách đưa Hùng **vào** Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu có dùng từ **mãi**
 - a) mặc / ngấm **mãi** ; b) xem **mãi** ; c) thức / nói chuyện **mãi** ; d) bơi **mãi** ; e) chờ **mãi**
12. Thay thế từ ngữ được gạch dưới trong câu bằng từ **mãi**
 - a) Hà kể **mãi** về người bạn mới của Hà.
 - b) Tâm đã tìm **mãi** cuốn sách bị mất mà không tìm ra.
 - c) Minh sẽ nhớ bạn **mãi** và mong có ngày gặp lại.
 - d) Câu chuyện vui quá làm cho Hà cười **mãi**.
13. Đọc bài “Ngày hội của những người thích đùa”, trả lời câu hỏi
 - a) Ở các nước Âu Mỹ, 1 tháng tư là ngày hội của những người thích đùa, còn được gọi là Ngày Cá tháng Tư.

- b) Ngày hội này có nguồn gốc từ nước Pháp.
 c) Năm 1564, vua nước Pháp quyết định xem ngày 1 tháng 1 là ngày đầu năm mới thay vì ngày 1 tháng 4 như trước đó. Tuy nhiên, một số người không biết tin đổi lịch và vẫn tổ chức đón mừng năm mới vào ngày 1 tháng 4. Họ bị những người khác cười và gọi là Cá tháng Tư.
 d) Ở Việt Nam, khoảng 10 năm trở lại đây, Ngày Cá tháng Tư cũng đã trở thành một ngày vui đùa thú vị của mọi người.

BÀI 12. DU LỊCH

- Sắp xếp các từ ngữ thành câu
 - Phan-xi-păng là ngọn núi cao nhất ở Việt Nam.
 - Sa Pa thường có sương mù bao phủ.
 - Nhiều người đến Cổng Trời để ngắm đỉnh núi Phan-xi-păng.
 - Chợ Sa Pa nhộn nhịp vào tối thứ bảy.
 - Hàm Rồng là nơi trồng nhiều loại hoa lan.
 - Hội An là một trong những đô thị cổ nhất ở Đông Nam Á.
- Dùng các từ ngữ ở cột A và cột B để đặt câu
 - Sa Pa được gọi là thành phố trong sương.
 - Cầu thủ Pele được gọi ông vua bóng đá.
 - Lễ hội hoa ở Đà Lạt được gọi là Festival Hoa Đà Lạt.
 - Paris được gọi là thủ đô của ánh sáng.
 - Charles Chaplin được gọi là ông vua hài kịch.
 - Đỉnh núi cao nhất được gọi là Cổng Trời.
- Chọn những từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống trong hội thoại
 (1) tua du lịch ; (2) hồ ; (3) thác ; (4) thung lũng ; (5) thông ; (6) tuyệt vời ; (7) Festival ; (8) toàn cảnh ; (9) truyền thống ; (10) trung tâm ; (11) đặt tua
- Dùng những từ ngữ đã cho để đặt câu có **thì ... thì ...**
 - Bi **thì** thích vẽ tranh, Bông **thì** thích chơi búp bê.
 - Nam **thì** thích chụp ảnh phong cảnh, Việt **thì** thích chụp ảnh những người đi tham quan.
 - Một số người **thì** đi bộ xung quanh hồ, một số khác **thì** ngồi hóng mát trên bờ hồ.
 - Hà **thì** thích đi dạo công viên một mình, Vân **thì** thích đi dạo công viên cùng bạn.
 - Vân **thì** xem kịch, Sơn **thì** xem xiếc.
- Thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu. Ví dụ :
 - ... thích mặc quần áo bình thường
 - ... nói được tiếng Pháp
 - ... vào quán ăn rẻ tiền
 - ... thích sống ở thành thị
 - ... nằm bên bờ sông Thu Bồn
- Dùng từ trái nghĩa với từ in đậm, đặt câu
 - Cái túi xách này (thì) **nặng** còn cái túi xách kia thì **nhẹ**.
 - Loại vải này (thì) **đẹp** còn loại vải kia thì **xấu**.
 - Cái đồng hồ dây vàng (thì) **đắt** còn cái đồng hồ dây da thì **rẻ**.
 - Đội bóng của Nam (thì) **thắng** còn đội bóng của Việt thì **thua**.
 - Quán phở này mọi ngày (thì) **đông**, riêng hôm nay thì **vắng**.
- Ghép câu ở cột A với câu ở cột B thành một hội thoại.
 a - 3 ; b - 5 ; c - 2 ; d - 4 ; e - 1
- Viết câu trả lời có dùng từ **mà**
 - Hè trước nhà mình đi Nha Trang rồi mà.
 - Con có áo mưa trong cặp rồi mà.

- c) – Hoa vừa bị mẹ mắng mà.
 - d) – Em mới thay áo hôm qua mà.
 - e) – Nó suốt ngày đọc truyện mà.
 - g) – Em vừa ăn cơm rồi mà. / Sáng nay em không ăn sáng mà.
9. Dùng những từ ngữ đã cho đặt câu có từ **tới** để nhấn mạnh về số lượng
- a) Toà nhà cao nhất Thành phố Hồ Chí Minh có **tới** 33 tầng.
 - b) Cái áo khoác này giá **tới** 2 triệu đồng.
 - c) Cuốn từ điển Anh – Việt này dày **tới** 1800 trang.
 - d) Nhà hát này chứa **tới** 600 người.
 - e) Cầu thủ này cao **tới** 1m95.
 - g) Đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Hà Nội bằng tàu hoả mất **tới** 30 giờ.
10. Dùng **bao nhiêu là** thay cho **rất nhiều, nhiều lắm** trong câu
- a) Trong phòng của bé Bông có **bao nhiêu là** đồ chơi trẻ em.
 - b) Công ty du lịch Vietravel có **bao nhiêu là** tua du lịch hấp dẫn.
 - c) Trong tủ sách của Nam có **bao nhiêu là** truyện cổ tích Việt Nam.
 - d) Các cửa hàng ở phố cổ Hội An treo **bao nhiêu là** đèn lồng.
 - e) Trong sân nhà của bác Phúc có **bao nhiêu là** cây cảnh.
11. Dựa vào tranh, hoàn thành câu có dùng cụm từ **bao nhiêu là**
- a) Hằng ngày cô tiếp tân khách sạn nhận được **bao nhiêu là** cú điện thoại.
 - b) Mỗi ngày anh thợ chụp ảnh chụp **bao nhiêu là** ảnh cho du khách.
 - c) Đàn hươu ăn **bao nhiêu là** cỏ và lá cây.
 - d) Hằng ngày nhà hàng này đón **bao nhiêu là** khách nước ngoài.
12. Đọc bài “Du lịch Mũi Né”, trả lời câu hỏi
- a) Mũi Né ở tỉnh Bình Thuận, một tỉnh miền Nam Trung Bộ.
 - b) Mũi Né cách trung tâm thành phố Phan Thiết 22km về hướng Đông Bắc.
 - c) Biển ở Mũi Né nước sạch và trong, nắng ấm quanh năm, thường không có bão.
 - d) Du khách đến Mũi Né có thể tắm biển, chơi thể thao, bơi thuyền, câu cá, chơi golf ...
 - e) Một số cảnh đẹp ở Mũi Né : Đồi Cát là đề tài sáng tác của nhiều nghệ sĩ ảnh; các cảnh đẹp như Suối Tiên, Lầu Ông Hoàng,... các làng du lịch, khách sạn, biệt thự, công trình thể thao, văn hoá.
13. Điền từ thích hợp vào chỗ trống
(1) nằm, (2) quốc lộ, (3) cửa ngõ, (4) trung tâm, (5) cao, (6) dòng nước, (7) di tích
14. Viết một đoạn hội thoại (khoảng 10 dòng) ghi lại cuộc trò chuyện giữa em và bạn em về chuyến du lịch mới đây của em. Đáp án mở.

MỤC LỤC

	Bài	Trang
1.	GIA ĐÌNH	4
2.	TRƯỜNG HỌC	10
3.	CỘNG ĐỒNG	16
4.	THỜI GIAN - THỜI TIẾT	22
5.	GIAO THÔNG	28
6.	SỨC KHOẺ	36
7.	MUA SẮM	42
8.	TRANG PHỤC.....	50
9.	THỂ THAO	56
10.	NGHỆ THUẬT	62
11.	LỄ HỘI	68
12.	DU LỊCH	74
	ĐÁP ÁN	80 - 96

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIỆN
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Biên tập lần đầu :
NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO – TRẦN THỊ PHÚ BÌNH

Biên tập tái bản và sửa bản in :

ĐÀO TIẾN THI

Biên tập mỹ thuật :

LÊ PHƯƠNG

Trình bày bìa và minh họa :

LÊ PHƯƠNG

Thiết kế sách :

LÊ PHƯƠNG - NGUYỄN PHƯƠNG HÀ

Tiếng Việt Vui - sách bài tập - quyển 3

(Sách thử nghiệm)

Mã số: 8I903H5

In.....bản (QĐ ...), khổ 20,5 x 29,5cm.

Đơn vị in: ... địa chỉ ...

Cơ sở in: ... địa chỉ ...

Số ĐKXB: 4084-2015/CXBIPH/18-1875/GD

Số QĐXB: ... /QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 201...